



ISO 9001 - ISO 22000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

NỘI DUNG

Phần I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các yếu tố rủi ro _____

Phần II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình dân sự, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông.
6. Các chỉ tiêu báo cáo tác động môi trường

Phần III BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phần IV BÁO CÁO CỦA BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phần V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

Phần VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SẢN BAY ĐÀ NẴNG



SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG ĐÀ NẴNG

ISO 9001 : 2008

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng - ĐT : +84 511 6250548 - Email: catering@masco.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Tên tiếng anh

DANANG AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: MASCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0400102045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 05/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/04/2017.

Vốn điều lệ : 42.676.830.000 đồng

Vốn chủ sở hữu : 42.676.830.000 đồng

Địa chỉ : Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng

Số điện thoại : 0236.3830340

Số fax : 0236.3826133

Website : www.masco.com.vn

Mã cổ phiếu : MAS



Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng



2 Chi nhánh

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Phú Bài
Sân bay quốc tế Cam Ranh

GỚI THIỆU CHUNG



THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với hơn 20 năm hoạt động, MASCO đã có 9 đơn vị thành viên tại 3 sân bay Đà Nẵng, Cam Ranh, Phú Bài hoạt động chuyên nghiệp và hiệu quả trong 4 lĩnh vực chính: suất ăn hàng không, vận chuyển hành khách bằng taxi, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, đào tạo lái xe và các hoạt động khác. Trong đó, Công ty xác định cung ứng suất ăn hàng không tại 03 sân bay sẽ là lĩnh vực nền tảng cho mọi hoạt động kinh doanh, kinh doanh taxi, thương mại - tạo sự ổn định về tài chính, đầu tư để tích lũy và tạo đà phát triển trong tương lai. Theo kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020, MASCO sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững các hoạt động kinh doanh chính. Qua đó, Công ty sẽ tận dụng cơ hội mở rộng hợp tác đầu tư, ưu tiên khai thác những thế mạnh và năng lực cốt lõi có sẵn. Với nhiệm vụ đó, Công ty đã và đang đặt ra cho mình sứ mệnh, tầm nhìn và các chiến lược phát triển sau:

Sứ mệnh

Luôn phát triển và cung cấp các dịch vụ theo những yêu cầu cao nhất của khách hàng, dựa trên các giá trị cốt lõi của Công ty, chúng tôi cam kết về chất lượng hàng hóa dịch vụ, tính hiệu quả của chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tinh thần đoàn kết của cán bộ CNV trong mọi hoàn cảnh và sự cống hiến cho khách hàng.

Trong khi duy trì vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp suất ăn hàng không cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài tại khu vực miền Trung, chúng tôi cũng cam kết một chiến lược đa dạng hóa ngành nghề để nắm bắt cơ hội phát triển mới, giảm sự phụ thuộc vào một nguồn thu nhập duy nhất và tạo thêm giá trị cho các cổ đông và người lao động;

Tầm nhìn

Để luôn trở thành một đơn vị cung ứng suất ăn trên tàu bay chủ đạo tại các sân bay tại khu vực miền Trung, chúng tôi không ngừng thực hiện quá trình cải tiến liên tục, đổi mới, và đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng với những lợi ích tốt nhất của Công ty. Theo đó Công ty cần duy trì và cam kết:

Định hướng khách hàng: Cung cấp cho khách hàng những hàng hóa dịch vụ phù hợp với sự mong đợi của khách hàng và phù hợp với năng lực, giá trị cốt lõi của Công ty

Tinh thần đoàn kết của người lao động trong toàn Công ty

Tăng cường tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quan hệ khách hàng, cổ đông.

Phát triển bền vững dựa trên những năng lực, giá trị cốt lõi của Công ty.

Luôn cải tiến liên tục, đổi mới và Cam kết về chất lượng đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ Công ty cung cấp.

Chiến lược

Công ty cam kết thực hiện và đáp các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận và các quy định yêu cầu của địa phương đối với lĩnh vực, sản phẩm của Công ty cung cấp.

Công ty đảm bảo văn hóa an toàn tích hợp trong tổ chức của Công ty.

Công ty cam kết đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan: người lao động, khách hàng, nhà nước và cổ đông.

Công ty cam kết cung cấp những hàng hóa, dịch vụ tốt nhất, giá tốt nhất vượt quá mong đợi của khách hàng.

Công ty luôn tăng cường và duy trì khả năng cạnh tranh trong mọi hoàn cảnh, thời điểm.
Công ty hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực của Công ty đáp ứng yêu cầu của sản xuất và qui định của Pháp luật.

Công ty là đối tác ưu tiên của các nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ đã được được đánh giá và chứng nhận.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý khách hàng, sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, sự tận tâm của ban điều hành và đặc biệt không thiếu sự nhiệt huyết, nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV Masco.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1991 : Công ty Dịch vụ cụm cảng hàng không sân bay miền Trung (Middle Airports Services Company – MASCO) trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 1808/QĐ-TCCBLĐ của Bộ Giao thông vận tải ngày 11/10/1991 trên cơ sở các bộ phận dịch vụ, xây dựng công trình hàng không tại các sân bay thuộc Cụm cảng Hàng không miền Trung (sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Nha Trang..), thực hiện các dịch vụ cung ứng suất ăn, bán hàng bách hóa, dịch vụ ăn uống, kinh doanh ta-xi, xây dựng và sửa chữa các công trình hàng không

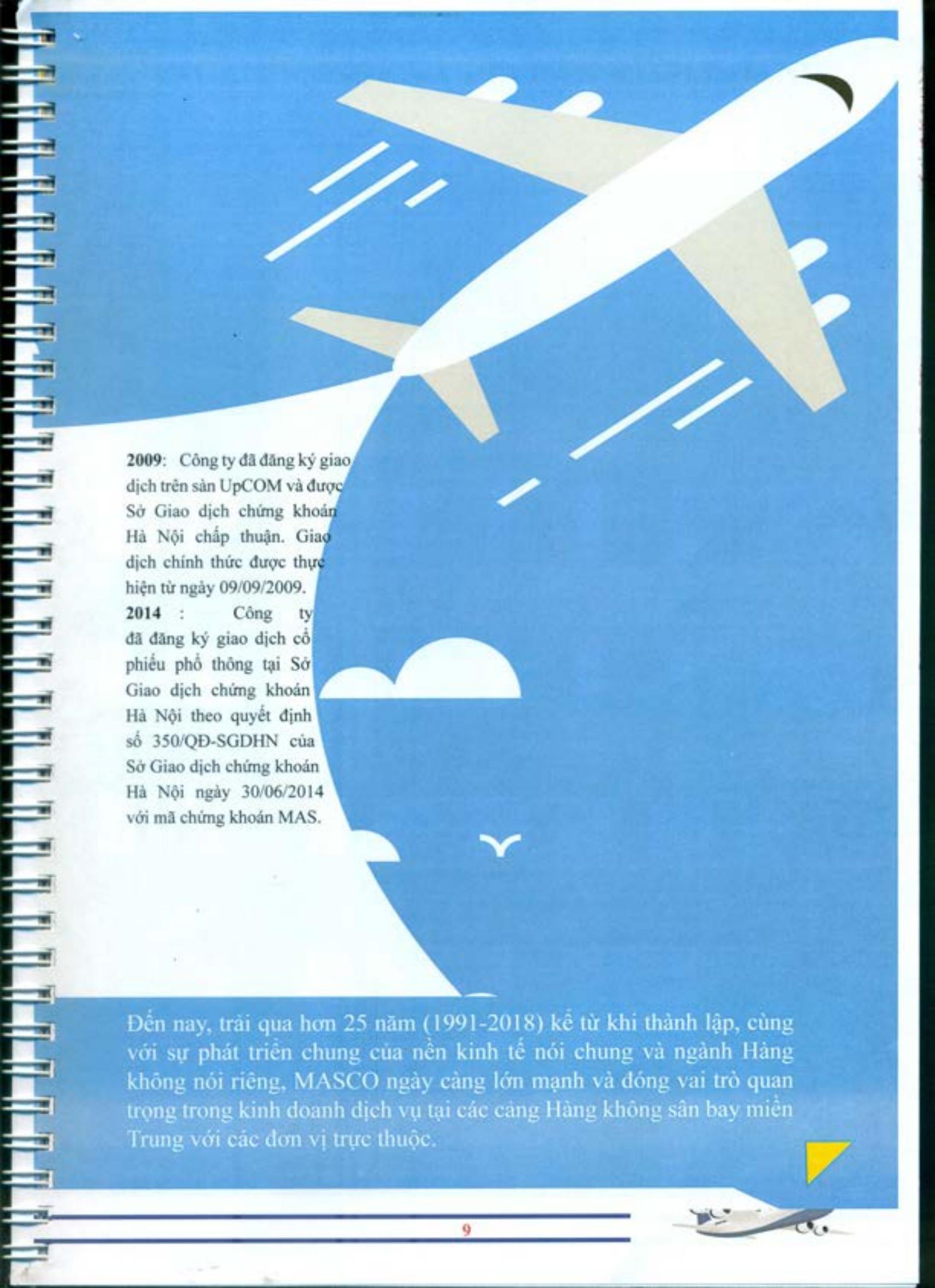
1995 : Công ty Cung ứng dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 1808/QĐ-TCCBLĐ của Bộ Giao thông vận tải ngày 11/10/1991

1996 : Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng là thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo quyết định số 328/CP ngày 27/5/1995 của Thủ tướng Chính Phủ.

2006 : Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Chính phủ, theo quyết định số 372TTg ngày 04/04/2003, ngày 23/9/2005 Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO) thành Công ty cổ phần. Ngày 03/03/2006 Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 03/03/2006 và thông qua điều lệ hoạt động. Vốn điều lệ của Công ty 15.000.000.000 đồng. Ngày 05/04/2006, Công ty Cổ phần chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 (Nay đổi thành số 0400102045) do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp

2007 : Ngày 12/6/2007, Công ty hoàn thành thủ tục đăng ký và trở thành công ty đại chúng theo pháp luật.

Công ty đã được trao tặng bằng khen huân chương lao động hạng Ba do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng.

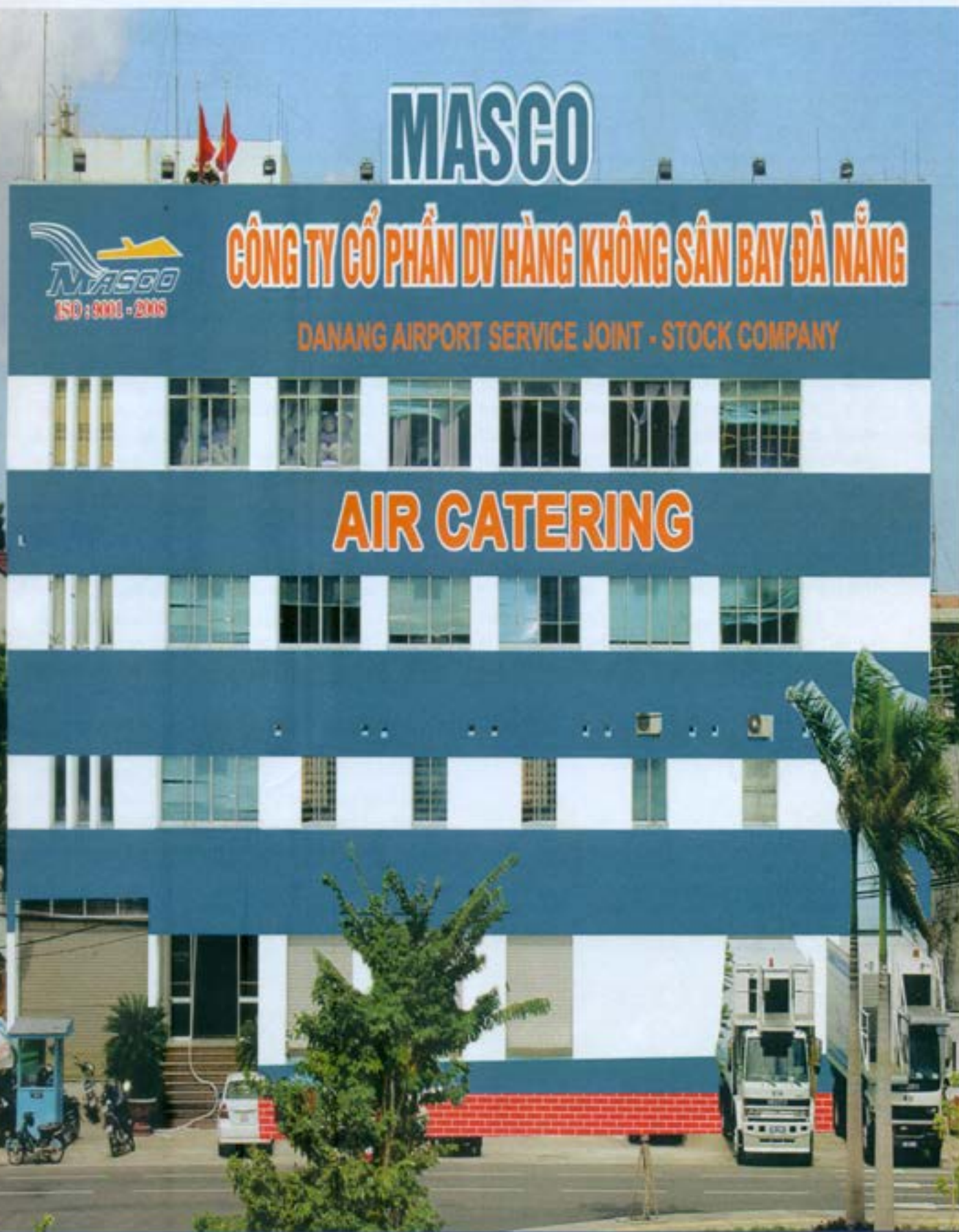


2009: Công ty đã đăng ký giao dịch trên sàn UpCOM và được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Giao dịch chính thức được thực hiện từ ngày 09/09/2009.

2014 : Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 350/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 30/06/2014 với mã chứng khoán MAS.

Đến nay, trải qua hơn 25 năm (1991-2018) kể từ khi thành lập, cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế nói chung và ngành Hàng không nói riêng, MASCO ngày càng lớn mạnh và đóng vai trò quan trọng trong kinh doanh dịch vụ tại các cảng Hàng không sân bay miền Trung với các đơn vị trực thuộc.







NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Cung cấp suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên tàu bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay;
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng ô tô, Taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Kinh doanh hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, lưu niệm;
- Kinh doanh gia công may mặc;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Đại lý vé máy bay;
- Đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, đường sắt;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống giải khát, rượu bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Đào tạo dạy nghề lái xe ô tô, mô tô các hạng

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện tại Công ty hoạt động kinh doanh trên ba sân bay lớn tại miền Trung: Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh và được phân thành hai nhóm thị trường dựa vào tần suất bay và lưu lượng hành khách.

- Nhóm 1: là nhóm có sân bay có tần suất bay, dung lượng thị trường cao nhất. Nhóm này chỉ có 1 sân bay là sân bay Đà Nẵng.
- Nhóm 2: là nhóm có sân bay có tần suất bay, dung lượng thị trường trung bình. Nhóm này có 2 sân bay là sân bay Phú Bài và sân bay Cam Ranh..



CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp

và các qui định pháp luật liên quan.

- **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để

quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc

thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban Tổng giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu

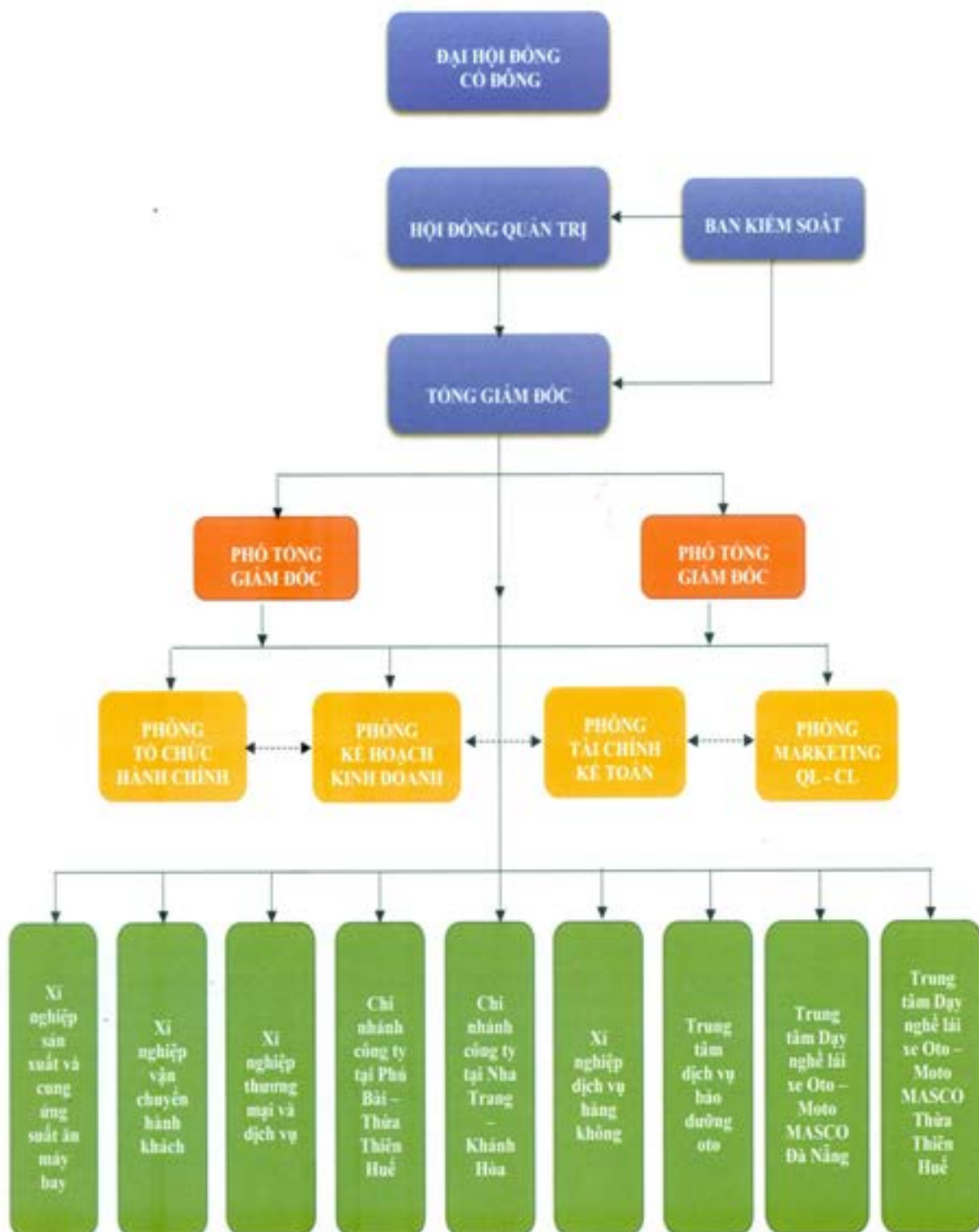
trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

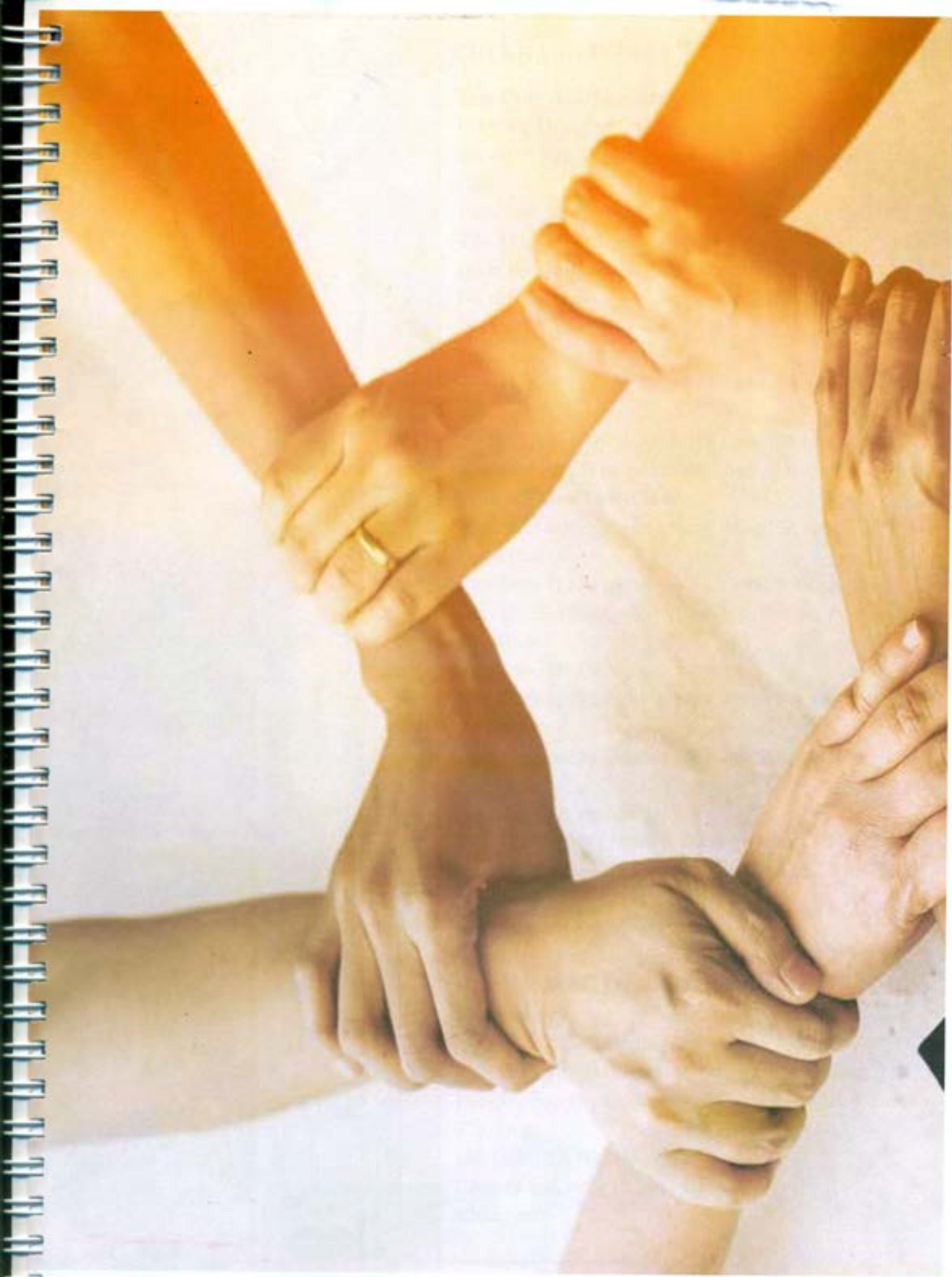
- **Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh

doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





CHI NHÁNH ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên Đơn vị : Chi nhánh Phú Bài Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Địa chỉ : Tổ 18, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa

Thiên Huế, Việt Nam

Tên Đơn vị : Chi nhánh Nha Trang Công ty Cổ Phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Địa chỉ : Sân bay Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh,

Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Tên Đơn vị : Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Đà Nẵng

Địa chỉ : 21 Núi Thành, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Thừa Thiên Huế

Địa chỉ : 34-36 Nguyễn Lương Bằng, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Tên Đơn vị : Xí nghiệp Vận chuyển hành khách

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận

Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận

Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Xí nghiệp Dịch vụ hàng không

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận

Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận

Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận

Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Công ty con, công ty liên kết

Không có.



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phát triển vững mạnh và hài hòa theo định hướng đến năm 2020 trở thành Công ty đủ lớn và thật sự mạnh trong ngành kinh doanh dịch vụ hàng không, từng bước mở rộng đến các ngành nghề kinh doanh mới: kinh doanh các dịch vụ tiện ích tại các sân bay khu vực miền Trung (ngân hàng, đại lý du lịch, thuê xe, khách sạn, dịch vụ chiếu phim, sức khỏe, giải trí khác...); kinh doanh vận chuyển du lịch, kinh doanh khách sạn. Dự kiến quy mô của MASCO có từ 01 đến 03 Công ty thành viên, với cơ cấu vốn góp chủ yếu là những nhà đầu tư chiến lược có mối quan hệ mật thiết, quy mô nhân lực từ 700 đến 1.000 người, tổng phương tiện taxi trên 200 đầu xe, diện tích kinh doanh 20.000m².

Về thị phần

Dự kiến Công ty sẽ mở rộng các thị trường hiện có tại Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế. Về Sân bay Đà Nẵng, MASCO sẽ có thị phần ổn định từ 50 – 60% dung lượng thị trường kinh doanh dịch vụ hàng không.

Về chức năng hoạt động

MASCO sẽ tham gia đầy đủ các chức năng thương mại dịch vụ hàng không, với tiêu chuẩn hiện đại, tại các sân bay khu vực miền Trung.

Về chính sách chất lượng

Thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm ISO 22000-2005.

- Luôn hướng mọi nguồn lực tập trung cho việc thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng, của xã hội cho hiện tại và tương lai.
- Thường xuyên hoàn thiện và đổi mới để chất lượng và dịch vụ không ngừng nâng cao.
- Sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, vì mục đích cuối cùng là phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

• Về tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định trong xu thế vận động và phát triển.
- Tăng cường vốn cho đầu tư, đảm bảo an toàn và hoạt động hiệu quả.

Về tài chính

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định trong xu thế vận động và phát triển.
- Tăng cường vốn cho đầu tư, đảm bảo an toàn và hoạt động hiệu quả.

Về nhân lực

- Hơn 20 năm phát triển và trưởng thành, MASCO tự hào đã xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, kết hợp hài hòa giữa truyền thống tốt đẹp của doanh nghiệp đã được xây dựng và vun đắp qua các thời kỳ và quy trình quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Luôn xem nhân lực là tài sản vô giá, là yếu tố then chốt đã mang lại thành công vượt bậc cho Công ty trong những năm gần đây.
- MASCO luôn cam kết và đảm bảo cung cấp các điều kiện cần thiết, tương xứng xứng đáng để nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

01

- Kiên trì với năng lực cốt lõi trong kinh doanh dịch vụ thương mại hàng không, cung ứng suất ăn trên tàu bay, dịch vụ ta-xi, dịch vụ quảng cáo tại sân bay và trên ta-xi...

02

- Tăng cường đầu tư và mở rộng dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ta-xi, giữ vững và phát huy lợi thế, năng lực cạnh tranh của MASCO trước các đối thủ cạnh tranh. Đặc biệt chú trọng đầu tư và mở rộng ngành nghề kinh doanh tại Chi nhánh Cam Ranh và Chi nhánh Phú Bài nhằm tương xứng với sự phát triển tại địa phương và nhu cầu của khách hàng.

03

- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vận chuyển Taxi

04

- Tích cực chuẩn bị và phát triển dự án mới, mở rộng liên doanh, liên kết, tạo điều kiện phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, ưu tiên trong ngành và các ngành nghề tận dụng được năng lực cốt lõi của Công ty: Dịch vụ cung ứng suất ăn trên tàu bay; Ta-xi tại chi nhánh Phú Bài, Du lịch, Nhà hàng, Khách sạn và các dịch vụ tiện ích phi hàng không tại các sân bay khu vực miền Trung

05

- Mở rộng chức năng sản xuất, gia công may mặc hiện nay thông qua việc đầu tư nhân lực, cơ sở vật chất hiện đại nhằm vừa nâng cao năng lực sản xuất phù hợp với yêu cầu của các Hãng hàng không, Hãng vận chuyển du lịch trong nước (sản phẩm chân dạ kính che mắt) và sản phẩm hàng hóa cho lĩnh vực thương mại tại Công ty; đặc biệt là sản phẩm may mặc mang tính thời trang, bản sắc văn hóa dân tộc phù hợp thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước

06

- **STEP 2** **Củng cố, tăng cường chất lượng bộ máy nhân sự, nâng cao tính chuyên nghiệp kết hợp với việc phát triển văn hóa Doanh nghiệp**

STEP 1 Các mục tiêu phát triển bền vững

Với tầm nhìn dài hạn, MASCO xác định các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không và phi hàng không. Phương châm của chúng tôi là sự phát triển bền vững của Công ty được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng hiệu quả thông qua việc sử dụng nguồn lực một cách hợp lý kết hợp với việc giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường, đem lại các lợi ích cho khách hàng, cố gắng và không ngừng nâng cao lợi ích của cán bộ công nhân viên và trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế - tài chính thế giới trong năm 2018 đã có nhiều diễn biến phức tạp, có nhiều yếu tố khó lường. Tăng trưởng thương mại toàn cầu đạt thấp do nhu cầu nhập khẩu quốc gia phát triển và hoạt động xuất khẩu khu vực Châu Á giảm. Giá dầu tăng cao, đồng đô la Mỹ biến động mạnh dẫn đến giá một số mặt hàng thiết yếu có xu hướng tăng trở lại. Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn, nhất là chiến tranh thương mại giữa Mỹ- Trung ngày càng diễn biến phức tạp, cùng với sự gia tăng xu hướng bảo hộ mậu dịch của các nước lớn, đặc biệt là những thay đổi trong chính sách thương mại Mỹ đã tác động đến sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Đối với nền kinh tế Việt Nam, trong năm 2018 các chỉ số kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng, cụ thể tăng trưởng 7,08% trong năm 2018, mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, trong đó tăng trưởng của ngành dịch vụ đạt: 7,03%. Tăng trưởng GDP đã vượt qua chỉ tiêu được Quốc Hội đặt ra trước đó là 6,7%. Thị trường tiền tệ Việt Nam ổn định trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động; Thị trường chứng khoán diễn biến tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn bộc lộ những tồn tại cần lưu ý: tỷ lệ nợ công và bội chi ngân sách còn cao; xử lý nợ xấu chưa triệt để trong khi quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu còn chậm, những hạn chế này có thể tiềm ẩn rủi ro trong dài hạn nhất là trong bối cảnh diễn biến chính trị-kinh tế thế giới trở nên khó lường hơn sau sự kiện Brexit.

Những rủi ro kinh tế trên, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, và Cổ phiếu Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng cũng không nằm ngoài sự tác động trên.



Tỷ giá

Nhìn chung, đa phần các hoạt động của Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng đều thanh toán bằng đồng Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu tác động trực tiếp của rủi ro tỷ giá.

Tuy nhiên nguồn thu của Công ty phụ thuộc vào lưu lượng khách hàng của ngành hàng không, trong khi đó ngành này lại có kết quả hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự biến động tỷ giá. Đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng tài chính, chênh lệch tỷ giá giữa các nước có hãng hàng không bay đi và bay đến biến động từng giờ từng phút khi chuyển tiền bán vé bằng đồng bản tệ sang đồng USD, hệ quả là các hãng hàng không bị lỗ và dừng bay trong thời gian dài. Cùng trong lĩnh vực Hàng không, hoạt động của Công ty không thể tránh khỏi sự ảnh hưởng này.

Lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp

Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Các nhóm sự kiện chính liên quan đến rủi ro quản trị là:

Gian lận nội bộ, gian lận bên ngoài: tổn thất do các sự kiện gian lận, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, giả mạo hồ sơ chứng từ, biến thủ tham ô tài sản ngân hàng, phá hoại tài sản công ty, trộm cắp tổng tiền... do nhân viên công ty gây ra hoặc tiếp tay cho tội phạm bên ngoài. Chính sách lao động và môi trường làm việc: khả năng tổn thất do Công ty không xử lý đúng quy định, không thỏa đáng các chính sách lương thưởng và nhân sự, không đảm bảo quyền lợi cho người lao động - một trong các nhóm lợi ích liên quan được đề cập ở trên trong quản trị doanh nghiệp.

Khách hàng, sản phẩm dịch vụ và thực tiễn môi trường kinh doanh: khả năng tổn thất phát sinh từ các lỗi, sai sót không cố ý hoặc do sơ suất trong việc đáp ứng các trách nhiệm nghề nghiệp đối với khách hàng, hoặc không tuân thủ đúng các thực tiễn, các tiêu chuẩn thực hành của môi trường kinh doanh. Đây là một mục tiêu chính của quản trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định, công cụ, dụng cụ bị mất mát hoặc bị phá hoại do thiên tai hoặc các sự kiện bên ngoài khác như khủng bố, chiến tranh, cháy nổ. Giai đoạn hoạt động hoặc lỗi hệ thống công nghệ thông tin.

Cơ cấu cổ đông chưa hiệu quả, tỷ lệ sở hữu quá phân tán, hoặc có nhiều nhóm cổ đông lớn nhưng không đồng thuận. Mặc dù doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho khâu tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để tạo dựng hình ảnh, mời các chuyên gia phân tích, các nhà đầu tư có tổ chức đến dự, phóng viên đến đưa tin..., nhưng khi biểu quyết các vấn đề tại đại hội thì không thông qua được do không dung hòa được những mâu thuẫn lợi ích khi xây dựng kế hoạch tăng vốn, kế hoạch triển khai dự án, kế hoạch chi trả cổ tức

Hoạt động quan hệ cổ đông: Hoạt động quan hệ cổ đông tốt không chỉ nằm ở việc tạo dựng các kênh thông tin cho cổ đông, mà còn ở việc bản thân doanh nghiệp ứng phó như thế nào trước các tình huống xấu để duy trì được lòng tin của cổ đông.



Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro cạnh tranh

Hiện tại trong sân bay Đà Nẵng, Cam Ranh có các đơn vị Kinh doanh thương mại dịch vụ Hàng không với đơn vị chủ quản là Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV), Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác nhà ga Quốc tế Đà Nẵng và các đơn vị ngoài ngành hàng không tham gia vào hoạt động cùng loại hình kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh thương mại như: cung ứng suất ăn, kinh doanh hàng bách hóa, lưu niệm, dịch vụ ăn uống giải khát, cho thuê xe trong khu vực nhà ga.

Hiện nay, tại nhà ga Quốc tế Đà Nẵng và Cam Ranh, ngoài Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - Chi nhánh Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng kinh doanh khai thác các loại hình dịch vụ trên thì có thêm các đơn vị mới tham gia vào ngành và sẽ là đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ đối với công ty trong thời gian tới.

Đối với lĩnh vực taxi: Trong lĩnh vực kinh doanh taxi, do mức giá được xây dựng theo chủng loại xe của Hiệp hội Ta-xi tương đối ổn định, nên các công ty cạnh tranh với nhau chủ yếu bằng chất lượng: phương tiện vận chuyển, dịch vụ gia tăng và tính chuyên nghiệp.

Rủi ro đặc thù ngành

Là đơn vị hoạt động kinh doanh trong ngành Hàng không và có liên quan chặt chẽ đến ngành du lịch trong nước, quốc tế và mức độ quan tâm thích đáng của các địa phương nơi Công ty hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty có những rủi ro về thị trường mang tính đặc thù của ngành như rủi ro về tình hình nền kinh tế, môi trường dịch bệnh, về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, rủi ro về thời tiết khí hậu.

Về tình trạng dịch bệnh: Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới gió mùa khí hậu nóng ẩm, môi trường ô nhiễm cao thường phát sinh các loại dịch bệnh, mặc dù Nhà nước đã có nhiều biện pháp phòng ngừa, nhưng khách du lịch nước ngoài cũng hạn chế vào Việt Nam khi nghe thông tin về dịch bệnh tại Việt Nam.

Về rủi ro về an toàn thực phẩm: Hàng hoá của Công ty để sản xuất chế biến phục vụ khách hàng chủ yếu là hàng tươi sống, đối tượng cung cấp đa dạng, mang tính thời vụ...nhưng việc bảo đảm chất lượng của hàng hoá phải tuân thủ rất nghiêm ngặt các quy trình an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch của nhà nước..., đây là rủi ro tiềm tàng có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất của Công ty chịu sự quản lý chặt chẽ về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và an ninh an toàn hàng không của các cấp quản lý nhà nước

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản và công trình xây dựng của Công ty.



TÌNH HÌNH SXKD

NĂM 2018

Trong năm 2018, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng trưởng vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, tuy nhiên so với năm 2017, doanh thu giảm 19,65% do yếu tố cạnh tranh, thị phần bị chia sẻ. Doanh thu vượt KH chủ yếu ở lĩnh vực suất ăn quốc tế, và đào tạo. Lý do chính là do lượng khách du lịch quốc tế đi và đến tại Đà Nẵng, Nha Trang tăng trưởng mạnh hơn so với tỷ lệ dự báo của Công ty..

Tổng các chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp cũng giảm: 9,51% so với năm 2017 do sự suy giảm của Doanh thu. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng rà soát lại tất cả các Hợp đồng mua nguyên vật liệu đầu vào để điều chỉnh đầu giá cung ứng, kết quả đã tìm được các nhà cung ứng có giá đầu vào thấp hơn mà vẫn đảm bảo đầy đủ các tiêu chí về An toàn thực phẩm, nên góp phần làm giảm chi phí vật tư, giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2018.

Chỉ tiêu	ĐVT	2018
Doanh thu thuần	Tr.đồng	235.429,85
Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	191.736,19
Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	121,93
Chi phí tài chính, bán hàng, QL Doanh nghiệp	Tr.đồng	27.310,79
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	16.504,80
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	1.726,93
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	18.231,73
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	14.854,28
EPS	Tr.đồng	3.123,00

KẾT THÚC NĂM 2018, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA MASCO

DOANH THU THUẦN
(TRIỆU VND)

235.429,85

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(TRIỆU VND)

18.231,73

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH
(TRIỆU VND)

121,93

EPS
(TRIỆU VND)

3.123.00

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(TRIỆU VND)

14.854,28

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đề ra

Đánh giá về tổng quan, các chỉ tiêu kế hoạch được đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đã hoàn thành tốt. Doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế đều vượt mức kế hoạch, lần lượt là 4,96% và 3,09%.

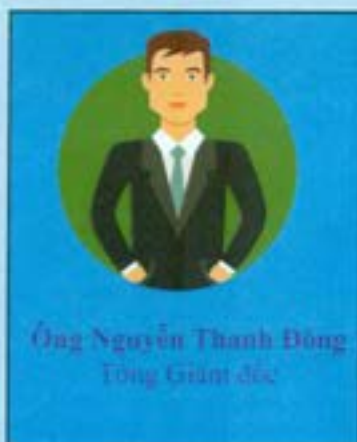
Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Thực hiện/ kế hoạch
VCSH bình quân	TRIỆU ĐỒNG	43.479	42.674	98,15%
Doanh thu thuần		226.685	237.937	104,96%
Lợi nhuận trước thuế		17.686	18.232	103,09%
Tổng mức đầu tư		76.263	7.120	9,34%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

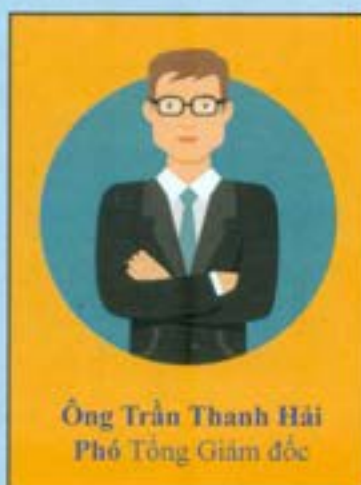
Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám Đốc	10.000	0.234%
Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám Đốc	200	0.005%
Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám Đốc	10.329	0.242%
Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế Toán Trưởng	816	0.019%



Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 07/1993 - 10/1994: Cán bộ công ty cung ứng HK sân bay Miền Trung
- 11/1994 - 10/1998: Giám đốc Xí nghiệp Cung ứng Suất ăn - Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng.
- 11/1998 - 03/2006: Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 04/2006 - 2015: Bí thư Đảng Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng
- 04/2016 - Nay: : Tổng Giám đốc; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.



Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- 11/1991 - 10/1993: Kế toán TH - Công ty dịch vụ và vật tư Lâm nghiệp Đà Nẵng
- 11/1993 - 10/1999: Kế toán TH - Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng.
- 11/1999 - 03/2006: Đảng viên, Bí thư chi bộ, Đảng ủy viên, Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 04/2006 - 2011: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng
- 06/2011 đến nay: Phó bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Phó tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng



Ông Phạm Văn Hà
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 01/1993 - 11/2004: Đảng viên, Bí thư Chi bộ, Giám đốc xí nghiệp dịch vụ thương nghiệp - Công ty dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng

- 12/2004 - 03/2006: Phó bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Xí nghiệp Cung ứng Suất ăn - Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng.

- 04/2006 - Nay: Phó tổng giám đốc - Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng



Bà Nguyễn Thị Minh Huyền
Kế Toán Trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

• 10/1994 – 10/1999: Kế toán Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

• 11/1999 – 5/2018: Phó phòng Tài chính – Kế toán, kế toán tổng hợp Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

• 5/2018 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Những thay đổi trong ban điều hành

- Từ ngày 14/5/2018, miễn nhiệm Ông Phan Hữu Tâm thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty

- Từ ngày 14/5/2018, bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Minh Huyền giữ chức Kế toán trưởng Công ty



Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2018 Tổng số lao động của công ty là 675 người, trong đó có 423 nam và 252 nữ. Cơ cấu lao động của công ty thể hiện như sau

STT	Phân loại lao động	Tại ngày 31/12/2018	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	675	100%
1	Trình độ đại học và trên đại học	121	17,9 %
2	Trình độ cao đẳng	39	5,8 %
3	Trình độ Trung cấp	69	10,2 %
4	Lao động khác	446	66,1 %
II	Theo tính chất của hợp đồng lao động	675	
1	Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	97	14,4 %
2	Hợp đồng có thời hạn từ 1 - 3 năm	339	50,2 %
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	239	35,4 %

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, nghỉ trưa 2h. Khi có yêu cầu công việc, người lao động có thể đăng ký làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày hoặc 200h/năm phù hợp với Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty, Công ty tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Điều kiện làm việc

Văn phòng công ty thoáng mát, Công ty cấp đồng phục cho cán bộ công nhân viên (CBCNV), đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

Nghỉ phép, lễ, tết

Nhân viên được nghỉ lễ và tết 9 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ mỗi năm.

Chính sách đối với người lao động

Chính sách đối với người lao động của Công ty được áp dụng theo chuẩn mực của Bộ luật lao động. Các nội dung được thể hiện trong thỏa ước lao động của Công ty đã thể hiện chính sách ưu đãi cho người lao động, trong đó các chế độ như: chế độ lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, bảo hộ lao động,... được quan tâm thực hiện tốt.

Đảm bảo việc làm cho người lao động

Để đảm bảo việc làm cho gần 700 lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tìm cách đa dạng hóa ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh.

Chế độ lương

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương, và điều kiện kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV.

Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên

Công đoàn và đoàn thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Thường xuyên tổ chức đi tham quan, sinh hoạt, học tập,... nhân các ngày lễ lớn trong năm, khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt. Đoàn thanh niên là tổ chức đi đầu trong phong trào thi đua, là nơi phát triển của thanh niên tạo lực lượng quản lý kế thừa được đào tạo bài bản, vững chắc trong tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

Chế độ thưởng

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh, thưởng đặc biệt đối với những nhân viên giỏi và có nhiều sáng kiến cải tiến công việc trong Công ty.

Chính sách tạo nguồn nhân lực: Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học,... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

Đào tạo:

Công ty luôn luôn coi trọng con người là tài sản quý giá của Doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn này, công ty kết hợp chặt chẽ giữa vấn đề đào tạo và phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty tài trợ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập, những nhân viên có thành tích học tập khá trở lên sẽ được khen thưởng.



Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Tổng mức kế hoạch đầu tư năm 2018 được phê duyệt: 76,263 tỷ đồng.

- Tổng mức thực hiện năm 2018: 7,12 tỷ đồng đạt 9,34% so với kế hoạch.

+ Dự án chuyển tiếp 2017 sang năm 2018 : Cải tạo sửa chữa tuyến đường nội bộ Cam Ranh. Tổng mức đầu tư theo KH đã được ĐHCĐ phê duyệt: 2,253 tỷ đồng, tổng mức dự toán thực hiện: 1,675 tỷ đồng, công trình đã xây dựng hoàn thành 100% khối lượng. Tuy nhiên, công trình chưa hoàn thành thủ tục quyết toán nên giá trị giải ngân của Công trình trong năm 2018 là: 0,975 tỷ đồng đạt 60% so với dự toán, so với KH đạt: 43,28%.

+ Dự án đầu tư mới 2018: 5,445 tỷ đồng, trong đó :

++ Mua mới phương tiện vận tải: : 0,992 tỷ đồng

(Mua mới 01 xe tải nhẹ đông lạnh chở suất ăn, 01 xe 5 chỗ tự động đào tạo dạy lái xe ô tô)

++ Thiết bị máy móc lẻ : 0,501 tỷ đồng



++ Cải tạo mở rộng bếp suất ăn Đà Nẵng: : 3,449 tỷ đồng

++ Cải tạo khu chế biến suất ăn Cam Ranh : 0,181 tỷ đồng

++ Xây dựng nhà xưởng chế biến suất ăn đường sắt: 0,322 tỷ đồng

Cuối năm 2018, Công ty CP suất ăn Nội Bài (NCS) thanh lý các trang thiết bị chế biến suất ăn, hầu hết các trang thiết bị này đều còn đang sử dụng được, phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã quyết định mua lô hàng thanh lý này để trang bị cho các đơn vị chế biến suất ăn của Công ty đang có nhu cầu, nhất là sau khi Công ty cải tạo nâng cấp và mở rộng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng, cần nhiều trang thiết bị để phục vụ cho sản xuất suất ăn. Việc mua lô hàng thanh lý này ngoài việc đáp ứng nhu cầu trang thiết bị sản xuất chế biến suất ăn, còn tiết kiệm được chi phí đầu tư, mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty trong việc cung ứng cho các Hãng hàng không có nhu cầu sử dụng dịch vụ từ Công ty tại sân bay Đà Nẵng, gồm:

++ Thiết bị mua thanh lý NCS : 0,591 tỷ đồng

++ Vò kho đông lạnh (07 kho) : 0,653 tỷ đồng

++ Máy làm lạnh nhanh (03 cái) : 0,252 tỷ đồng

++ Lắp đặt máy kho lạnh (06 cái) : 0,234 tỷ đồng

++ Lắp đặt hệ thống camera, âm thanh : 0,186 tỷ đồng

- Các hạng mục không thực hiện đầu tư trong năm 2018 bao gồm :

+ Đầu tư 10 xe taxi mới 07 chỗ và 12 chiếc Taxi 05 chỗ: 14,80 tỷ do tình hình kinh doanh taxi trong năm 2018 không được thuận lợi, cạnh tranh gay gắt giữa các hãng taxi truyền thống với Grab nên công ty quyết định giãn tiến độ đầu tư không thực hiện trong năm 2018 mà chuyển sang kế hoạch năm 2019.

+ Đầu tư 02 xe tải phục vụ đào tạo dạy lái tại 2 Trung tâm dạy nghề: 1,00 tỷ do lưu lượng các học viên có nhu cầu học lái xe tải còn thấp nên hoãn chưa tiến hành đầu tư.

+ Đầu tư kho đông lạnh phục vụ suất ăn đường sắt: 0,35 tỷ đồng do hợp đồng cung ứng suất ăn đường sắt ký trong thời hạn 01 năm, chưa đảm bảo yếu tố chắc chắn và lâu dài đối với lĩnh vực này, hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả chưa cao nên hoãn chưa đầu tư.

+ Cải tạo hệ thống cửa bảo vệ suất ăn Đà Nẵng: 0,43 tỷ đồng hoàn đầu tư do tập trung các hạng mục nâng cấp, cải tạo bếp chính để phục vụ sản xuất, gia cố thêm hệ thống cửa hiện tại để tiếp tục sử dụng, tiết kiệm chi phí.

+ Đầu tư 02 máy giặt, máy sấy (10 kg) dự phòng cho Chi nhánh Cam Ranh: 0,08 tỷ đồng hoàn đầu tư do các máy móc hiện có đã đáp ứng nhu cầu, đồng thời sản lượng giặt ủi không tăng.

+ Nâng cấp trạm biến áp Chi nhánh Cam Ranh lên 400 kVA: 0,50 tỷ do sản lượng tại chi nhánh giảm, nhu cầu sử dụng điện không tăng nên hoàn chưa đầu tư nâng cấp trạm biến áp.

+ Về dự án xây dựng cơ sở chế biến SA Đà Nẵng :

DHDCĐ thường niên năm 2017, 2018 đã thông qua chủ trương và giao HĐQT MASCO triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ sở chế biến SA Đà Nẵng. Trong năm 2017, Công ty đã lập hồ sơ thủ tục xin thuê đất và nhiều lần làm việc với Cục Hàng không xin chấp thuận chủ trương thuê đất tại sân bay Quốc tế Đà Nẵng để triển khai thực hiện dự án, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được trả lời chính thức của Cục Hàng không do thay đổi quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình tại các Cảng HKSB nên phải chờ Bộ giao thông vận tải phê duyệt và ban hành quy chế mới. Vì vậy, dự án xây dựng cơ sở chế biến suất ăn Đà Nẵng trong năm 2018 Công ty vẫn chưa thực hiện được.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Dvt	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	128.315,07	154.239,89	-16,81%
Doanh thu thuần		235.429,85	292.992,45	-19,65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		16.504,79	46.461,06	-64,48%
Lợi nhuận khác		1.726,93	3.005,17	-42,53%
Lợi nhuận trước thuế		18.231,73	49.466,24	-63,14%
Lợi nhuận sau thuế		14.854,28	39.650,28	-62,54%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Dvt	Năm 2018	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,60	0,66
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,38	0,48
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,70	57,95
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	125,75	137,81
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	23,35	23,54
Vòng quay tài sản	vòng	1,67	2,08
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,31	13,53
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	26,13	61,13
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,58	25,71
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,01	15,86



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Cổ phần

Hiện nay, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Đà Nẵng đã phát hành 4.267.683 cổ phiếu, trong đó:

- Số cổ phiếu phổ thông: 4.267.683 cổ phiếu
- Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 4.267.683 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.267.683 cổ phiếu
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	680	3.289.090	32.861.420.000	77,07
-	Cá nhân	662	912.476	9.124.760.000	21,38
-	Tổ chức	18	2.376.614	23.766.140.000	55,69
2	Cổ đông ngoài nước	96	978.593	9.815.410.000	22,93
-	Cá nhân	78	310.548	3.105.480.000	7,28
-	Tổ chức	18	668.045	6.680.450.000	15,65
Tổng cộng		776	4.267.683	42.676.830.000	100%

Danh sách cổ đông chốt ngày 14/05/2108

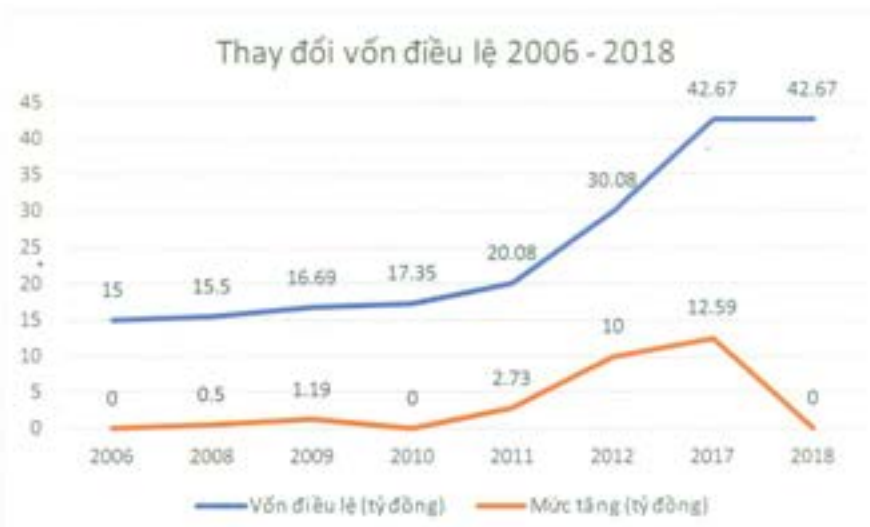
Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội	1.541.265	36,11 %

Danh sách cổ đông chốt ngày 14/05/2108

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là CTCP đến nay, Công ty đã trải qua quá trình tăng vốn như sau:



Năm	2006	2008	2009	2010	2011	2012	2017	2018
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	15	15,5	16,69	17,35	20,08	30,08	42,67	42,67
Mức tăng (tỷ đồng)	0	0,5	1,19	0,66	2,73	10	12,59	0

Trong năm 2018, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác

Không có.



Báo cáo liên quan đến cộng đồng và xã hội của công ty

Với tầm nhìn dài hạn, MASCO xác định các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không và phi hàng không. Phương châm của chúng tôi là sự phát triển bền vững của Công ty được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng hiệu quả thông qua việc sử dụng nguồn lực một cách hợp lý kết hợp với việc giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường, đem lại các lợi ích cho khách hàng, cổ đông và không ngừng nâng cao lợi ích của cán bộ công nhân viên và trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội.

Quản lý nguồn nguyên liệu

a) **Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của công ty:**

Hiện nay, sản phẩm chính của công ty đó là cung cấp suất ăn lên tàu bay, theo đó nguyên liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm suất ăn chính là thực phẩm tươi sống và rau củ quả, và với sản lượng hơn gần 2,3 triệu suất ăn được sản xuất trong năm nên lượng nguyên liệu chế khoảng hơn 505 tấn

b) **Tỷ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:** Công ty không sử dụng nguyên liệu tái chế

Tiêu thụ năng lượng

a) **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp**

Mức điện tiêu thụ trực tiếp trong năm 2018 là gần 1.500.000 kwh.

Mức nhiên liệu (xăng , dầu) công ty tiêu thụ trong năm 2018: 483.000 lít/năm

b) **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:** không có

c) **Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:** không có

Tiêu thụ nước

a) **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**

để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, công ty sử dụng nguồn nước từ hệ thống nước thủy cục của thành phố với mức sử dụng hơn 30.000 m³ trong năm 2018

b) **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** không có

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Công ty đã tiến hành nhiều hoạt động cụ thể nhằm giáo dục, gắn kết sự tham gia trực tiếp của cán bộ đối với các hoạt động vì môi trường. Với khẩu hiệu “Hành động nhỏ cho thay đổi lớn”, Công ty đã phát động và triển khai hiệu quả các chương trình như hưởng ứng tham gia Giờ Trái đất; chương trình tiết kiệm điện và hạn chế sử dụng năng lượng;

* Triển khai chương trình 5S nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tác động tới môi trường: Ý thức bảo vệ môi trường cần xuất phát từ việc xây dựng môi trường sạch sẽ, không gian thông thoáng tại nơi làm việc. Do đó, MASCO đã xây dựng hệ thống hồ sơ, tài liệu được “Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Sẵn sàng”, lưu trữ một cách khoa học giúp giảm thiểu tối đa thời gian tìm kiếm, góp phần nâng cao hiệu quả công việc đồng thời cũng tránh được những lãng phí không cần thiết về giấy tờ, vật phẩm văn phòng tiêu thụ, ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường.

* Tích cực tuyên truyền sử dụng năng lượng hiệu quả:

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, MASCO đã đẩy mạnh truyền thông trong toàn hệ thống thông qua các kênh thông tin: poster, bản tin điện tử, bản tin nội bộ.

* Hưởng ứng Chiến dịch Giờ trái đất 2018 tại Việt Nam với chủ đề “Hôm nay tôi sống xanh hơn”, Ban lãnh đạo Công ty và các tổ chức Công đoàn, đoàn thanh niên cơ sở đã tuyên truyền, phân tích ý nghĩa, hiệu quả của việc tiết kiệm năng lượng thông qua việc thay đổi nhận thức và thói quen nhỏ của người lao động trong việc sử dụng các nguồn năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý. Trên cơ sở đánh giá các tác động tới môi trường, MASCO đã xây dựng Đề án bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc ứng dụng công nghệ vi sinh trong xử lý nước thải, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý thu gom và thoát nước thải đảm bảo đáp ứng được tiêu chuẩn hiện hành. Ngoài ra, Năm 2018 Công ty cũng đã đầu tư hơn 1.084 triệu đồng xây dựng hệ thống xử lý nước thải phù hợp với các điều kiện quy định về môi trường nhằm nâng cao công suất và xử lý hiệu quả hơn tại nhà máy chế biến suất ăn Cam Ranh.

Chính sách liên quan đến người lao động

Là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực: kinh doanh dịch vụ thương mại hàng không; cung ứng suất ăn trên tàu bay, dịch vụ taxi, dịch vụ quảng cáo tại sân bay và trên taxi, hoạt động đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô,.... Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển Công ty giai đoạn từ 2015 - 2020, là đơn vị kinh doanh dịch vụ trong ngành hàng không, yếu tố con người quyết định hàng đầu, do vậy MASCO luôn ưu tiên thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực - nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp.

Với đội ngũ cán bộ, nhân viên tính đến hết năm là 675 người, chính sách nhân sự của MASCO được xây dựng với mục đích đưa nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh của Công ty, được thể hiện đồng bộ từ chính sách tuyển dụng, đào tạo - phát triển, lương - thưởng - phúc lợi, các chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc và phát triển văn hóa doanh nghiệp để giữ người giỏi, thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho tất cả cán bộ nhân viên được làm việc tốt nhất, được phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty.



Chính sách tuyển dụng

- Việc tuyển dụng phải thỏa mãn mục tiêu, yêu cầu chiến lược phát triển kinh doanh ngắn và dài hạn của công ty, được thực hiện theo từng thời điểm cụ thể và theo kế hoạch hàng năm.
- Nhân sự được tuyển dụng không chỉ nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại mà còn là nhân tố phát triển trong tương lai.
- Việc tuyển dụng được thông báo công khai trong toàn hệ thống, trên website của Công ty, từ các tổ chức dịch vụ cung ứng nhân lực tại địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề tuyển dụng phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của công ty đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình tuyển dụng của công ty.

Chính sách việc làm:

Công ty cam kết bố trí đầy đủ công việc phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng chỉ tiêu “đúng người, đúng việc”, tạo cơ hội làm việc công bằng, khách quan, hợp lý cho tất cả CBNV tùy theo trình độ, năng lực thực tế của mỗi người trên mọi phương diện: tuyển dụng, đào tạo - phát triển, cơ hội thăng tiến, lương - thưởng - phúc lợi, thực hiện các chế độ đãi ngộ khác.

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Được coi là một hình thức đầu tư chiến lược, nhằm nâng cao kiến thức quản lý, năng lực, trình độ nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ cùng các kỹ năng khác cho cán bộ nhân viên để thực hiện mục tiêu chuyên nghiệp hóa đội ngũ, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty:

- Hoạt động đào tạo vừa giúp CBNV đã được đào tạo áp dụng hiệu quả vào công việc thực tế đang đảm nhiệm, vừa giúp CBNV có thể xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty.
- Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo và dành đủ nguồn lực cho chính sách đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển đội ngũ kế thừa (từ nhiều năm nay, Công ty đã lập Quỹ đào tạo và phát triển riêng, năm 2018, kinh phí dành cho việc đào tạo tại công ty là 373 triệu đồng, số lượng người được đào tạo hơn 150 lượt):
 - + Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề có nhu cầu đào tạo phát triển đều có tiêu chuẩn đào tạo riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình đào tạo của Công ty.
 - + CBNV sau khi ký hợp đồng lao động có thời hạn với Công ty, được tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, trung hạn theo kế hoạch đào tạo hàng năm hoặc đào tạo đột xuất theo nhu cầu cấp thiết của đơn vị. Ngoài ra, Công ty còn xét hỗ trợ học phí đối với các CBNV có nỗ lực tự đào tạo phù hợp với chuyên môn.
- Hướng tới, Công ty thực hiện kết hợp với việc xây dựng một hệ thống đánh giá công việc công bằng, khách quan nhằm tạo điều kiện tối đa cho việc nâng cao hiệu quả công việc và phát triển cá nhân được xem xét công nhận, cũng là để tất cả CBNV Công ty đều có cơ hội thăng tiến bình đẳng tại Công ty.

Chính sách lương, thưởng phúc lợi, đãi ngộ

Công ty chú trọng xây dựng một hệ thống tiền lương cạnh tranh, phù hợp với quan hệ tiền lương, tiền công trên thị trường, đảm bảo có động lực khuyến khích tăng năng suất lao động ngày một cao hơn; giữ được người giỏi và thu hút được nhân tài.

Tại Công ty, người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Năm 2018, thu nhập bình quân của người lao động tại công ty đạt 7,216 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, vai trò, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế tại đơn vị, kết quả công việc của người lao động.

Bên cạnh việc duy trì thường xuyên phong trào thi đua trong toàn đơn vị, Công ty còn xây dựng và tổ chức thực hiện quy định khen thưởng của Công ty luôn kịp thời, có hiệu quả. Các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc định kỳ hoặc đột xuất đều được công nhận và khen thưởng xứng đáng, công bằng, công khai

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật lao động về các chế độ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ. Đồng thời, thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi dành cho CBNV theo Thỏa ước lao động tập thể hàng năm với mức độ thực hiện từ bằng đến cao hơn Luật định. Đặc biệt trong đó, phần lớn các khoản phúc lợi, đãi ngộ như: khuyến khích người lao động luân phiên nghỉ hết phép được hưởng nguyên lương, số ngày nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương, suất trợ cấp khó khăn đột xuất, suất chi thăm hỏi CBNV có việc cưới, việc tang, ốm đau, nằm viện, thai sản, tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, ưu đãi CBNV nghỉ hưu... đều được thực hiện cao hơn Luật định.

Môi trường làm việc:

Với quan niệm sự thành công của Công ty còn phụ thuộc vào tính sáng tạo và sự hài lòng, hứng thú với công việc của CBNV. Ban lãnh đạo Công ty đã thể hiện sự quan tâm đến điều kiện làm việc của CBNV: bố trí văn phòng làm việc tiện nghi, thoáng mát, sạch sẽ; cung cấp đầy đủ máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết; trang bị đồng phục cho CBNV... Bên cạnh, Công ty luôn quan tâm xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và thân thiện, luôn tạo điều kiện để cho mỗi CBNV đều có cơ hội để tự khẳng định, phát huy hết khả năng chuyên môn của mình trong mỗi quan hệ làm việc thân thiện, luôn có sự hỗ trợ, phối hợp đồng bộ, với tinh thần thi đua hoàn thành nhiệm vụ vì sự phát triển của bản thân và cũng vì sự nghiệp phát triển bền vững của Công ty.



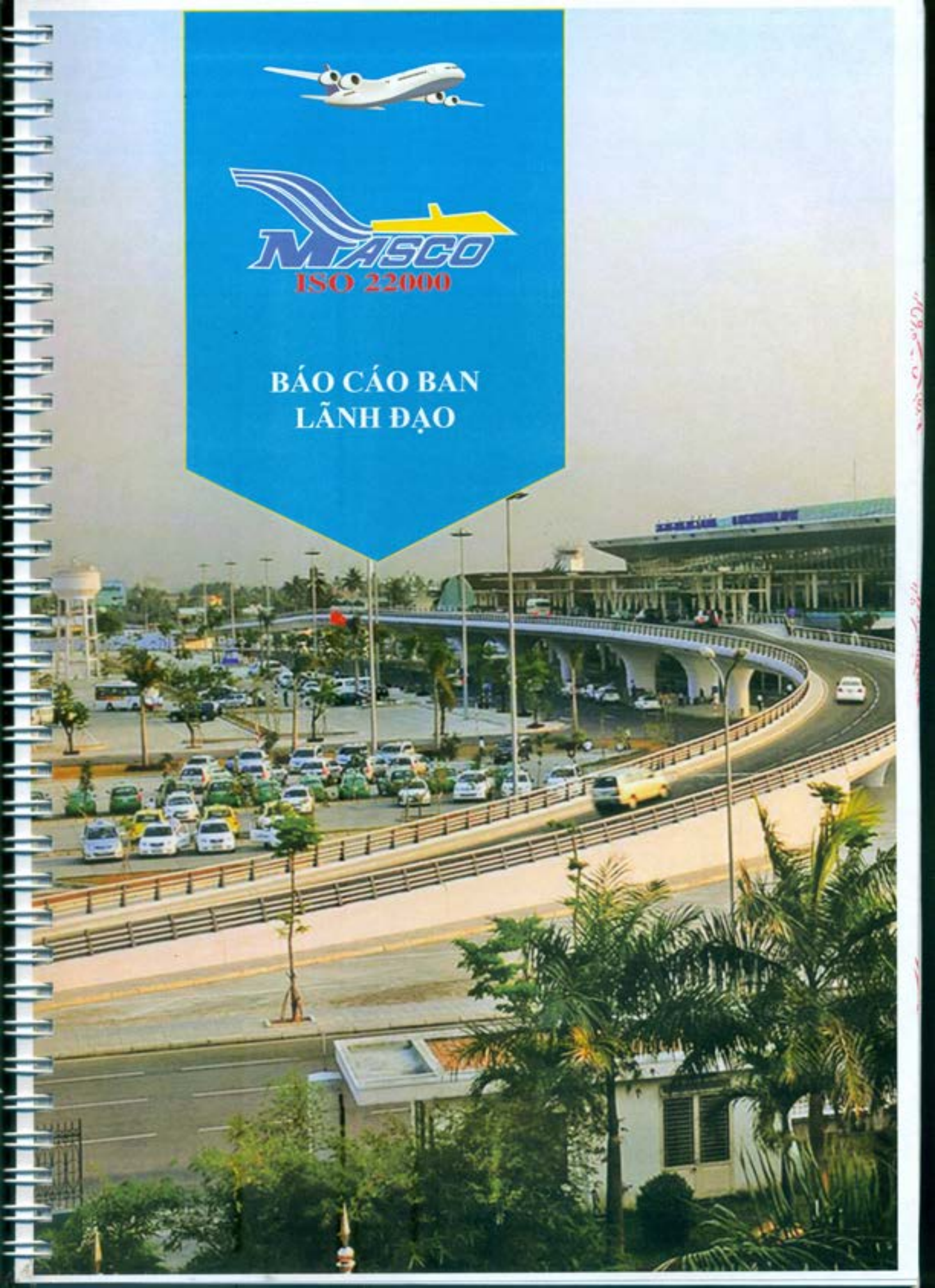
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

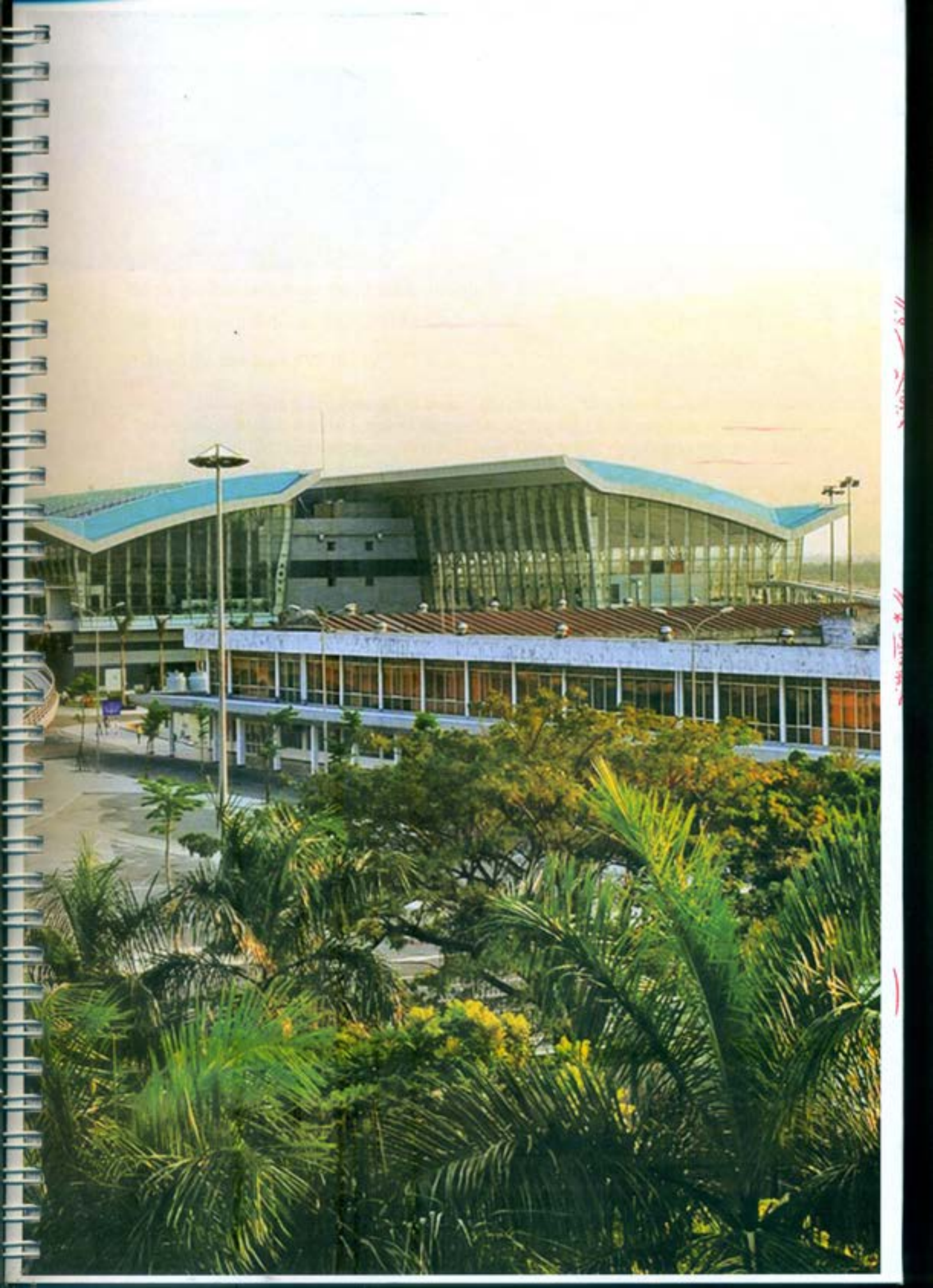
Công ty luôn tích cực tham gia những hoạt động thiết thực hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Vẫn còn nhiều việc phải thực hiện nhưng chúng tôi quyết tâm tiến bước mạnh mẽ trên hành trình thực hiện những trách nhiệm của công ty đối với xã hội. Những hoạt động xã hội từ thiện luôn được Ban lãnh đạo và nhân viên MASCO thường xuyên tích cực hưởng ứng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng. Công ty cũng thường xuyên tài trợ cho các hoạt động thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương năm 2018 bao gồm các hoạt động sau: Viếng thăm các trung tâm nuôi dưỡng người già, trẻ em mồ côi, tàn tật trong các ngày Lễ, Tết, Giáng Sinh, Trung Thu, Quốc Tế Thiếu Nhi. Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai.





**BÁO CÁO BAN
LÃNH ĐẠO**







BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Môi trường kinh doanh năm 2018:

1. Đánh giá tình hình SXKD:

a/ Thuận lợi :

- Lượng khách quốc tế đi đến quốc nội và quốc tế của các Hãng hàng không tại các sân bay Miền Trung vẫn giữ ổn định theo kế hoạch và tăng cao trong các dịp Lễ, tết nên kinh doanh các dịch vụ trong dây chuyền hàng không của các đơn vị trong Công ty gặp nhiều thuận lợi, vì vậy Công ty đã hoàn thành KH SXKQ được ĐHCĐ giao cho năm 2018.
- Công tác an toàn, an ninh PCCN được tăng cường và đảm bảo tuyệt đối trong những ngày lễ và cao điểm.

b/ Khó khăn :

Tình hình thực hiện năm 2018 có nhiều diễn biến làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và làm giảm hiệu quả của Công ty, cụ thể :

- Giá nhiên liệu có tăng do tình hình chính trị thế giới, giá xăng dầu đã tăng hơn 8% so với kế hoạch làm tăng chi phí của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty .
- Do cạnh tranh từ đối thủ VINACOS, Công ty đã mất thị trường cung cấp suất ăn cho các hãng Nga và Jetstar tại Cam Ranh từ tháng 9/2017 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, năm 2018 Công ty chưa giành lại được các khách hàng này.
- Kinh doanh taxi ngày càng khó khăn về thị trường, áp lực cạnh tranh ngày càng cao về số lượng và chất lượng dịch vụ, đặc biệt là giá vận chuyển và các tiện ích công nghệ cạnh tranh gay gắt với Taxi Grab, doanh thu sụt giảm, lao động lái xe nghỉ nhiều, thiếu hụt lực lượng lao động này.
- Một số lĩnh vực kinh doanh trước đây như cung cấp chăn dạ, kính che mắt trên máy bay cho Vietnam Airlines năm 2018 không được thực hiện đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Một số kết quả đạt được trong hoạt động SXKD:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2018 của Công ty vào ngày 24/4/2018 với kết quả Đại hội biểu quyết 100% theo đúng các nội dung của nghị quyết số 724/NQ-HĐQT/TCTHK. Đại hội đã thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư 2018, Báo cáo tài chính 2018 đã được kiểm toán, Báo cáo của Ban kiểm soát, sửa đổi điều lệ, Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017.

- Tiếp tục triển khai dự án mục tiêu xuyên suốt theo định hướng kế hoạch đó là thủ tục xin cấp đất để xây dựng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng. Hồ sơ xin thuê đất đã gửi Cục hàng không và Cảng vụ Hàng không Miền Trung xem xét phê duyệt.

- Rà soát đánh giá lại các Hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào tại các đơn vị trực thuộc Công ty, hoàn thành đàm phán và ký kết hợp đồng với một số Nhà cung cấp mới về cung cấp nguyên liệu chế biến suất ăn tại chi nhánh Cam Ranh, Đà Nẵng có giá cung cấp thấp hơn tiết kiệm được chi phí đầu vào và tăng hiệu quả cho Công ty.

- Triển khai thực hiện đầu tư theo kế hoạch 2018 đã được phê duyệt trên nguyên tắc tiết

kiệm chi phí đầu tư, chi đầu tư các hạng mục thực sự cấp bách, cần thiết và có hiệu quả. Triển khai cải tạo và nâng cấp nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng nhằm đáp ứng yêu cầu của một số hãng hàng không mới. Hoàn thành đầu tư và lắp đặt các thiết bị mua thanh lý từ NCS, đáp ứng nhu cầu trang thiết bị trong chế biến suất ăn của các đơn vị, đồng thời tiết kiệm được một lượng lớn chi phí đầu tư.

- Triển khai mua chung bảo hiểm tài sản, cơ sở vật chất và phương tiện vận chuyển của Công ty dự kiến áp dụng từ năm 2019 nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Hoàn thành chứng nhận đạt chuẩn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 cho nhà máy chế biến suất ăn Cam Ranh, Đà Nẵng.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong sản xuất về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện tốt các chính sách tiết kiệm, chấp hành các quy định và kỷ luật lao động trong toàn Công ty.

- Tổ chức triển khai chào thực đơn suất ăn cho các Hãng Hàng không bay đến tại Đà Nẵng, Cam Ranh và đã ký kết được hợp đồng cung cấp dịch vụ suất ăn cho 4 Hãng hàng không mới trong năm 2018;

- Triển khai làm các thủ tục mở kho miễn thuế VNA tại suất ăn Đà Nẵng và Cam Ranh.



Tình hình thực hiện kế hoạch 2018 và Kết quả SXKD trong năm 2018

Tình hình thực hiện kế hoạch:

Chỉ tiêu	Dvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	%Thực hiện/ Kế hoạch
VCSH bình quân	Triệu đồng	43.479	42.674	98,15%
Doanh thu thuần		226.685	237.937	104,96%
Lợi nhuận trước thuế		17.686	18.232	103,09%
Tổng mức đầu tư		124.598	7.120	5,71%

Về cơ cấu doanh thu:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018		2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	14.572,14	6,05%	17.962,38	6,04%
Doanh thu bán thành phẩm	1.470,11	0,61%	307,01	0,10%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	224.754,07	93,34%	279.121,08	93,86%
Tổng	240.796,32	100%	297.390,47	100%

Tổng doanh thu tính đến 31/12/2018 đạt 241 tỷ đồng, giảm 19,03% so với cùng kỳ: Sự sụt giảm doanh thu chủ yếu ở lĩnh vực cung ứng suất ăn quốc tế do có đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực này từ tháng 9/2017, dịch vụ thương mại và dịch vụ taxi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cũng giảm nhẹ.

Về cơ cấu chi phí hoạt động:

Chỉ tiêu	2018		2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	191.736,19	87,27%	216.727,39	87,60%
Chi phí tài chính	3.505,01	1,60%	2.151,26	0,87%
Chi phí bán hàng	7.236,25	3,29%	7.692,72	3,11%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.569,54	7,54%	20.337,86	8,22%
Chi phí khác	658,55	0,30%	489,97	0,20%
Tổng	219.705,54	100%	247.399,20	100%

Trong cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty, Giá vốn hàng bán vẫn luôn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng trên 87% qua các năm. Tương ứng với mức độ tăng trưởng doanh thu, Giá vốn hàng bán trong năm 2018 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước với tổng giá trị đạt 191,74 tỷ đồng. Điểm sáng trong công tác quản lý chi phí của Công ty là nhờ vào việc luôn tìm kiếm các nhà cung cấp có chất lượng nhưng giá cả thấp để giảm chi phí giá vốn cho Công ty, đồng thời công tác kiểm tra, rà soát và điều chỉnh một cách triệt để các định mức tiêu hao trong sản xuất cũng như việc thực hiện phong trào tiết kiệm toàn Công ty nên góp phần giảm thiểu các chi phí vật tư, giá vốn hàng bán.

Các chỉ tiêu lợi nhuận:

Chỉ tiêu	2018	2017	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ
LN thuần từ hoạt động SXKD	16.504,79	46.461,06	-29.956,27	-64,48%
LN khác	658,55	3.005,17	-2.346,62	-78,09%
LN trước thuế	18.231,73	49.466,24	-31.234,51	-63,14%
LN sau thuế	14.854,28	39.650,29	-24.796,01	-62,54%

Sự xuất hiện của đối thủ cạnh tranh đã ảnh hưởng rất lớn đến đến kết quả kinh doanh trong năm 2018 của Công ty, cụ thể LN thuần từ hoạt động SXKD giảm 64,48% , LNTT giảm 63,14% và LNST giảm 62,54%. Sự sụt giảm kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018 đã được lường trước do lợi thế độc quyền đã bị mất, đối thủ cạnh tranh với lợi thế về cơ sở hạ tầng mới, hiện đại và với chính sách giá thấp đã thu hút được các khách hàng của Công ty trong lĩnh vực cung ứng suất ăn. Tuy nhiên KQKD của Công ty trong năm 2018 vẫn khả quan, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, vẫn vượt được các chỉ tiêu mà ĐHCĐ đã giao.

Những tiền bộ công ty đạt được trong năm:

- Ban điều hành Công ty đã đảm bảo đề ra được mục tiêu dài hạn và ngắn hạn cho MASCO, quá trình điều hành luôn bám sát mục tiêu, tập thể Ban điều hành có sự gắn bó và có trách nhiệm cao với mục tiêu chung.
- Có các quyết định nhanh và linh hoạt về công tác quản trị điều hành, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình phát triển của từng giai đoạn.
- Việc phân công và phát huy năng lực của từng thành viên trong Ban điều hành được quan tâm và bố trí hợp lý, dù luôn phải đối diện với nhiều cạnh tranh, thách thức mới nhưng vẫn vững vàng, là điểm tựa vững chắc cho cán bộ nhân viên trong môi trường kinh doanh luôn biến động hiện nay.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các định mức tiêu hao đã ban hành để quản lý chặt chẽ các chi phí phát sinh một cách kịp thời và hiệu quả.
- Toàn thể Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng đã phát triển đúng hướng theo các mục tiêu đã đề ra; hoàn thành tốt các chỉ tiêu, đặc biệt là chỉ tiêu về chất lượng. Về tổng quan, MASCO đã hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, sản lượng và lợi nhuận đã đề ra trong năm 2018.

1. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản:

Tiêu chí	Dvt	2018		2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền và khoản tương đương tiền	Triệu đồng	5,047.26	17.02%	17,247.81	38.28%
Phải thu ngắn hạn		13,771.08	46.45%	15,599.28	34.62%
Hàng tồn kho		7,627.47	25.73%	8,795.77	19.52%
Tài sản ngắn hạn khác		3,203.25	10.80%	3,415.00	7.58%
Tổng tài sản ngắn hạn		29,649.06	100.00%	45,057.86	100.00%

Tính đến 31/12/2018, giá trị tổng tài sản đạt 128,32 tỷ đồng, thấp hơn 16,81% so với năm 2017. Tỷ trọng tài sản dài hạn/Tổng tài sản chiếm 76,89%.

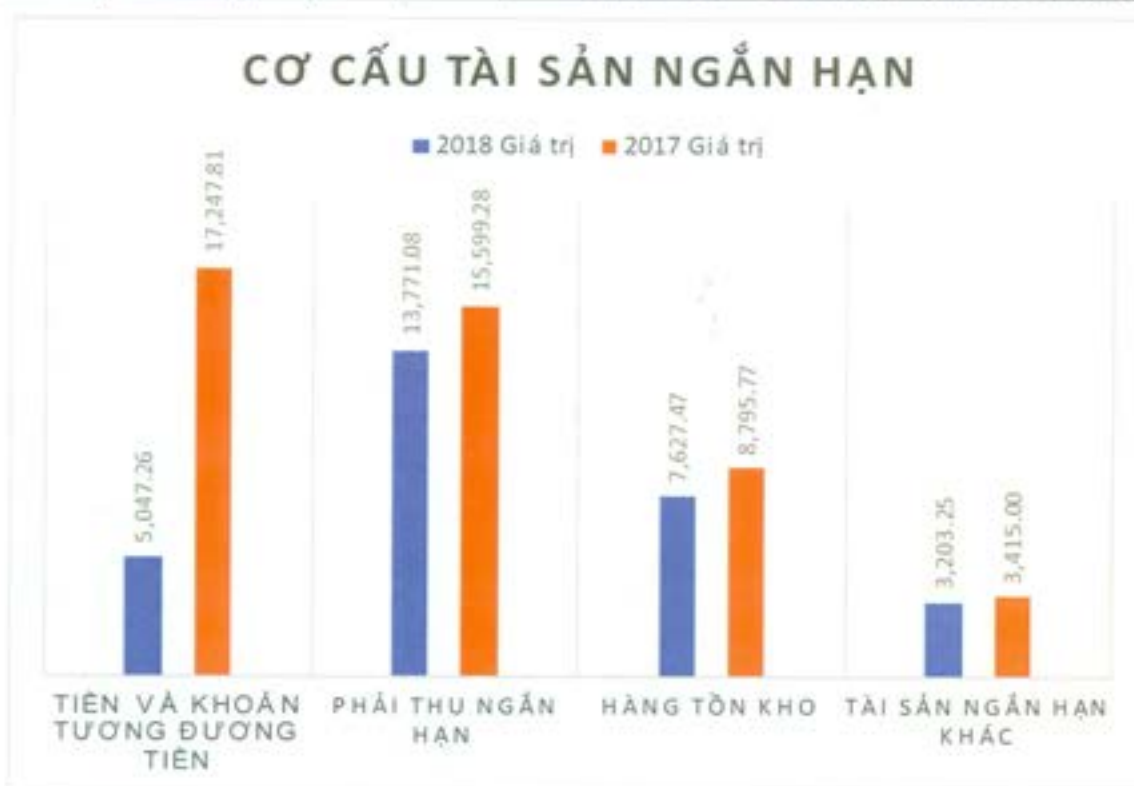
Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2018, các khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 46,45%, tồn kho chiếm 25,73%, còn lại là tiền và tài sản ngắn hạn khác lần lượt chiếm 17,03% và 10,79%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 95,57%, còn lại là các khoản mục tài sản dở dang và tài sản dài hạn khác chiếm tỷ trọng không đáng kể: 4,43%



Cơ cấu tài sản ngắn hạn:

Tiêu chí	Đvt	2018		2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền và khoản tương đương tiền	Triệu đồng	5,047.26	17.02%	17,247.81	38.28%
Phải thu ngắn hạn		13,771.08	46.45%	15,599.28	34.62%
Hàng tồn kho		7,627.47	25.73%	8,795.77	19.52%
Tài sản ngắn hạn khác		3,203.25	10.80%	3,415.00	7.58%
Tổng tài sản ngắn hạn		29,649.06	100.00%	45,057.86	100.00%



Cơ cấu tài sản dài hạn:

Tiêu chí	Đvt	2018		2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản cố định	Triệu đồng	94,296.33	95.57%	91,987.22	84.25%
Tài sản dở dang dài hạn		1,771.01	1.79%	16,489.77	15.10%
Tài sản dài hạn khác		2,598.68	2.63%	705.05	0.65%
Tổng tài sản ngắn hạn		98,666.02	100.00%	109,182.04	100.00%

Tình hình nợ phải trả:

Tính đến 31/12/2018, giá trị nợ phải trả của Masco đạt 71,48 tỷ đồng, chiếm 55,70% cơ cấu nguồn vốn của Công ty. So với năm 2017, tổng giá trị nợ phải trả giảm 20,03%, trong đó, nợ ngắn hạn chiếm phần lớn tỷ trọng với 69,42%. Nợ dài hạn với giá trị đạt 21,86 tỷ đồng, chiếm 30,58%, tăng 1,13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước

Cơ cấu nợ và vốn:

Tiêu chí	DVT	2018	2017
Nợ ngắn hạn/tổng nợ	%	69,41	76,81
Tổng nợ/Tổng tài sản		55,70	57,95

Thuyết minh công cụ tài chính:

Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2017
Vay ngắn hạn	Triệu đồng	16.981,02	19.360,41
Vay dài hạn	Triệu đồng	18.218,53	17.083,91
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	3.422,14	2.015,68
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	1,45%	0,69%

Năm 2018, lãi vay Công ty phải trả là 3,42 tỷ đồng, có phần tăng cao hơn mức lãi vay trong năm 2017. Tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần đạt 1,45%. Đây là mức thấp, không đáng kể và thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

o Về công tác quản lý điều hành:

Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh (quản lý hoạt động cung ứng suất ăn trên tàu bay, hoạt động Ta-xi, quản lý công việc, hợp đồng...), đáp ứng kịp thời quy mô phát triển, nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

o Về công tác quản lý chất lượng :

Nâng cấp và mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001; Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ sản phẩm đối với lĩnh vực chế biến và cung ứng suất ăn trên tàu bay bằng việc áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn HACCP. Trong năm 2018, Công ty đã triển khai xây dựng và đã đạt chứng nhận áp dụng ISO 22000: 2005 – Hệ thống quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm – cho lĩnh vực cung ứng suất ăn trên tàu bay tại Xi nghiệp suất ăn Sân bay Đà Nẵng, Chi nhánh sân bay Cam Ranh.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

□ Mục tiêu – định hướng hoạt động SXKD của MASCO năm 2019

- Giữ vững ổn định các loại hình kinh doanh đã xác định là chiến lược của Công ty, ưu tiên hàng đầu cho các lĩnh vực kinh doanh liên quan đến dây chuyền vận tải hàng không, kinh doanh xe taxi và kinh doanh thương mại tại các cảng hàng không Miền Trung.
- Xây dựng và triển khai áp dụng chiến lược cạnh tranh về dịch vụ cung ứng suất ăn theo các tiêu chuẩn yêu cầu của các hãng hàng không. Tập trung xây dựng và áp dụng chiến lược chi phí thấp, đặc biệt quan tâm 3 yếu tố chính là giá cả, cơ cấu thực đơn và chất lượng sản phẩm.
- Bảo đảm tình hình tài chính an toàn, lành mạnh, quản lý chặt chẽ công nợ. Tăng cường mối quan hệ hỗ trợ, hợp tác và cung ứng sản phẩm nội bộ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án phục vụ các dịch vụ thuộc dây chuyền vận tải hàng không nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.
- Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đảm bảo nguồn nhân lực để thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2019.



□ Chi tiêu kế hoạch trong năm 2019

STT	NỘI DUNG	DVT	TH 2018	KH 2019	% Tỷ lệ
1	TỔNG DOANH THU	trồng	237.937	242.720	102,01%
2	TỔNG CHI PHÍ	trồng	219.705	223.840	101,88%
3	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	trồng	18.231	18.880	103,56%
4	LỢI NHUẬN RỘNG	trồng	14.854	15.400	103,68%
a	LN Công ty (cổ đông)	trồng	13.522	13.778	101,89%
b	Chi cho HĐ Hợp tác KD	trồng	1.332	1.622	121,77%
5	LAO ĐỘNG BQ	Người	675	630	93,33%
6	THU NHẬP BÌNH QUẢN	đ/tháng	7.215.775	7.828.478	108,49%
7	VỐN CHỦ SỞ HỮU BQ	trồng	42.677	42.677	100,00%
8	Tỷ lệ LN sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	31,68	32,28	101,89%

4. Giải trình của ban tổng giám đốc đối với kiểm toán

Không có

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Tình hình trong nước:

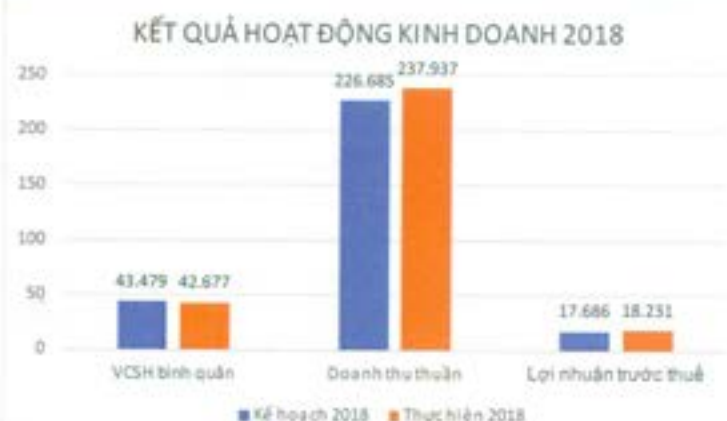
Hoạt động kinh doanh của ngành hàng không nói chung và của Công ty nói riêng diễn ra trong bối cảnh Hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển khoa học công nghệ thông tin và hệ thống pháp lý hoàn thiện mở ra nhiều cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp, đồng thời cũng nảy sinh những sức ép cạnh tranh mới. Trong đó, lĩnh vực vận chuyển hàng không chịu ảnh hưởng nhanh nhất và trực tiếp

Lượng khách quốc tế đi đến quốc nội và quốc tế của các Hãng hàng không tại các sân bay Miền Trung trong năm 2018 vẫn giữ được ổn định và tăng trưởng, tuy nhiên do thị trường bị chia sẻ nên sản lượng thực hiện trong năm 2018 của Công ty giảm 18,38% so với thực hiện năm 2017 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD năm 2018.

Trong thời gian qua, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) cũng đã đưa nhiều công trình hạ tầng cảng hàng không vào khai thác, sử dụng, góp phần nâng cao năng lực thông qua của hệ thống cảng hàng không, sân bay, nâng cao chất lượng dịch vụ như tại sân bay Tân Sơn Nhất đưa thêm 4 vị trí sân đậu cho tàu bay, mở rộng cải tạo sân đỗ đường lăn; sân bay Nội Bài tiếp tục triển khai thực hiện dự án cải tạo nhà ga hành khách T1, bổ sung thêm 11 vị trí đỗ, nâng tổng số vị trí đỗ lên 70 vị trí được cấp phép, có thể khai thác đồng thời được 50 vị trí; khai thác/đỗ qua đêm 56 vị trí...

Qua 1 năm thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công ty có những điểm nổi bật như sau :

Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Thực hiện/Kế hoạch
VCSH bình quân	Triệu đồng	43.479	42.677	98,15%
Doanh thu thuần		226.685	237.937	104,96%
Lợi nhuận trước thuế		17.686	18.231	103,08%



Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị

Năm 2019, tình hình hoạt động SX-KD của Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tồn tại và tiềm ẩn những yếu tố không thuận lợi sẽ ảnh hưởng đến kết quả chung của đơn vị ; Tình hình chung về kinh tế xã hội của đất nước vẫn còn nhiều khó khăn, Tổng Công ty HKVN tiếp tục thực hiện chính sách tiết kiệm nội bộ và việc cạnh tranh quyết liệt trong kinh doanh tại các Cảng hàng không sẽ gây nhiều khó khăn cho Công ty trong phát triển SX-KD của các ngành dịch vụ & thương mại, taxi,...; các đối thủ hiện hữu nay đã lớn mạnh và tiếp tục ảnh hưởng rất lớn đến việc chia sẻ thị phần kinh doanh của Công ty và dự báo mức độ cạnh tranh của cả Công ty sẽ diễn ra rất gay gắt và quyết liệt.

Để hạn chế những khó khăn bất lợi và đáp ứng được những yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, năm 2019 HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ chính trị trọng tâm sau đây :

***Về kế hoạch sản xuất kinh doanh :**

HĐQT Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành có các biện pháp tích cực, hiệu quả. Bám sát yêu cầu của thị trường, chuẩn bị tốt các nguồn lực và các điều kiện sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

Duy trì và nâng cao chất lượng các loại hình kinh doanh dịch vụ hiện có, đồng thời phát triển và mở rộng các loại hình dịch vụ mới khi có điều kiện khả thi, trong đó chú trọng các dịch vụ liên quan trong dây chuyền vận tải Hàng không mà Công ty có nhiều lợi thế.

Tập trung chỉ đạo thực hiện đúng tiến độ và đúng pháp luật đối với việc thực hiện các dự án đầu tư.

Trong điều kiện thị trường phát triển và sức cạnh tranh cao, cần không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý, chất lượng dịch vụ ; Thường xuyên kiểm tra quản lý và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008, ISO 22000: 2005 tại các đơn vị trong toàn Công ty. Tuyệt đối giữ vững an ninh, an toàn trong toàn Công ty. Bảo đảm đời sống và việc làm cho CBCNV, duy trì thực hiện tốt các chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động, nhất là thu nhập cho người lao động, khuyến khích và thu hút nhân tài.

Trước tình hình đó, định hướng chiến lược của công ty là :

- *Giữ vững tăng trưởng ổn định, không ngừng đa dạng hóa các loại hình kinh doanh đã xác định là chiến lược của Công ty, đó là các lĩnh vực kinh doanh liên quan đến dây chuyền vận tải hàng không, kinh doanh xe taxi, đào tạo dạy nghề và kinh doanh thương mại tại các Cảng hàng không Miền Trung.*
- *Phấn đấu tất cả các đơn vị kinh doanh thuộc công ty đều có mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tối thiểu 3% so với thực hiện năm 2018.*
- *Bảo đảm tình hình tài chính an toàn, lành mạnh, quản lý chặt chẽ công nợ.*
- *Tăng cường mối quan hệ hỗ trợ, hợp tác và cung ứng sản phẩm nội bộ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát triển dịch vụ liên kết với các đơn vị cùng ngành nghề hoặc trong khối dịch vụ nằm trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA.*
- *Ưu tiên nguồn vốn đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án phục vụ các dịch vụ thuộc dây chuyền vận tải hàng không nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.*



Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ VDL
1	Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
2	Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT	10.000	0,234%
3	Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	10.329	0,242%
4	Vũ Thị Thu Bồn	Thành viên HĐQT	0	0,00%
5	Lê Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	10.000	0,234%



Ông **HỒ QUANG TUẤN**

Chủ tịch

Ông **NGUYỄN THANH ĐÔNG**

Thành viên HĐQT



Ông **TRẦN THANH HẢI**

Thành viên HĐQT





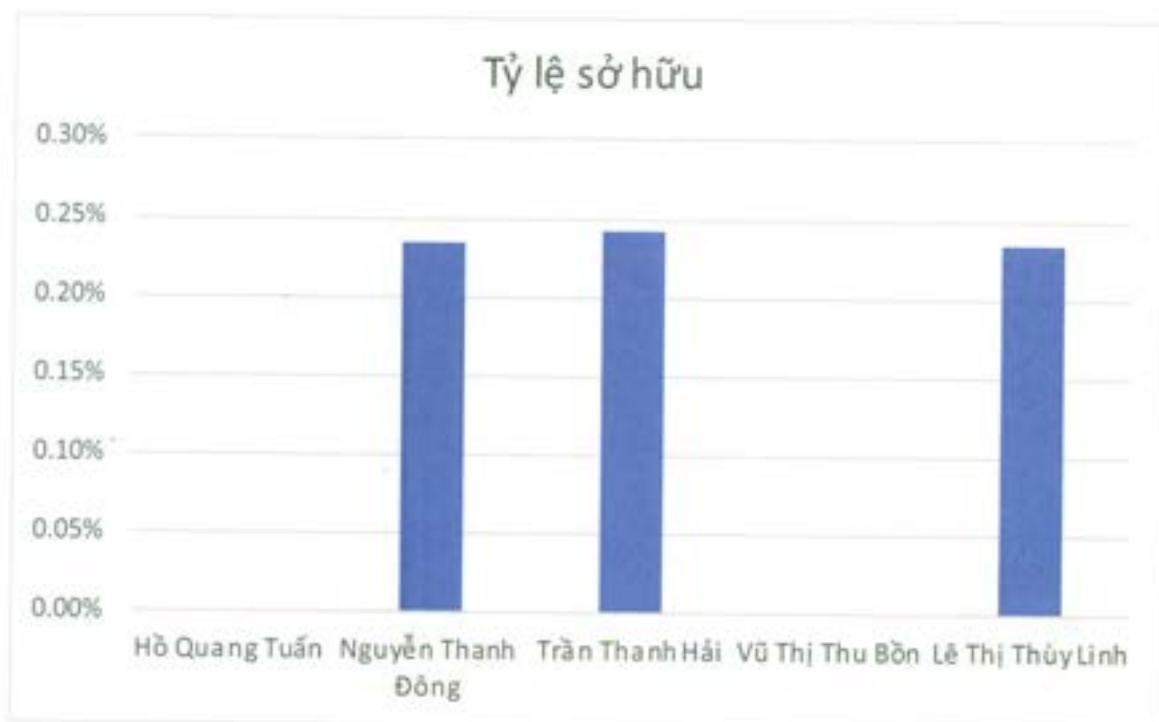
Bà **VŨ THỊ THU BỒN**

Thành viên HĐQT



Bà **Lê Thị Thùy Linh**

Thành viên HĐQT



Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị :

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc

Hoạt động của hội đồng quản trị :

Định kỳ, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty. Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Trong năm 2018, HĐQT đã họp trực tiếp và ban hành Nghị quyết/Quyết Định.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 cuộc họp. Cụ thể

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT		6/6	100%	
02	Ông Nguyễn Thanh Đông	Ủy viên HĐQT		6/6	100%	
03	Ông <i>Trần Thanh Hải</i>	Ủy viên HĐQT		6/6	100%	
04	Bà Vũ Thị Thu Bồn	Ủy viên HĐQT		6/6	100%	
05	Bà Lê Thị Thùy Linh	Ủy viên HĐQT		6/6	100%	

Và ban hành 6 nghị quyết/Nghị định như sau :

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	Số: 01/NQ- HDQT-DVĐN	02/02/2018	V/v: Thông qua báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính năm 2017 và Lãnh đạo SXKD quý 1/2018.
02	Số : 02/NQ- HDQT-DVĐN	28/03/2018	V/v Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
03	Số : 03/NQ- HDQT-DVĐN	24/04/2018	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
04	Số : 04/NQ- DHDCĐ- DVĐN	09/05/2018	V/v : Miễn nhiệm & Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.
05	Số : 05/NQ- HDQT-DVĐN	24/07/2018	V/v: Báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính 6 tháng năm 2018 và Lãnh đạo SXKD quý 3/2018.
06	Số : 06/NQ- HDQT-DVĐN	13/11/2018	V/v : Báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính 9 tháng năm 2018 và Lãnh đạo SXKD cuối năm 2018



Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VDL
1	Nguyễn Dũng	Trưởng BKS	-	-
2	Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên BKS	-	-
3	Dương Thùy Vân	Thành viên BKS	-	-

Hoạt động của ban kiểm soát trong năm :

Trong năm các thành viên Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp, cụ thể:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp Percent	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Dũng	Trưởng BKS		3/3	100%	
02	Ông Ngọc Tuấn	Ủy viên BKS		3/3	100%	
03	Bà Dương Thùy Vân	Ủy viên BKS		3/3	100%	

Ban kiểm soát công ty trong năm đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:

- Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT công ty. Theo đó, nhìn chung, trong năm 2018, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT đã triển khai thực hiện đúng Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018 đã đề ra từ đầu năm.
- Trưởng Ban kiểm soát đã chỉ đạo các kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động của đơn vị, hàng quý thực hiện kiểm tra các đơn vị để hỗ trợ các đơn vị thực hiện công tác hạch toán kế toán đúng quy định đồng thời thực hiện đúng chính sách với người lao động.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, năm của Phòng Tài chính Kế toán Công ty lập trước khi trình hội đồng quản trị đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát :

STT	Họ và tên	Năm 2018 (đồng/năm)
I	Hội Đồng Quản trị	138.000.000
1	Hồ Quang Tuấn	42.000.000
2	Nguyễn Thanh Đông	24.000.000
3	Trần Thanh Hải	24.000.000
4	Vũ Thị Thu Bồn	24.000.000
5	Lê Thị Thùy Linh	24.000.000
II	Ban kiểm soát	55.200.000
1	Nguyễn Dũng	21.600.000
2	Phạm Ngọc Tuấn	16.800.000
3	Dương Thùy Vân	16.800.000
	Tổng cộng	193.200.000



Danh sách nắm giữ cổ phiếu của HDQT, Bang kiểm soát và lãnh đạo công ty

Stt	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú Note
01	Hồ Quang Tuấn		Chủ tịch HDQT	201189737	Hải Châu, Đà Nẵng	0	0,00%	
02	Nguyễn Thanh Đông	090C 47798	Tổng Giám đốc Công ty	201191933	Hải Châu, Đà Nẵng	10.000	0,234%	
03	Vũ Thị Thu Bồn		UV-HDQT	200100947	Hải Châu, Đà Nẵng	0	0,00%	
04	Lê Thị Thùy Linh		UV-HDQT	200916851	Hòa Cường, ĐN	10.000	0,234%	
05	Nguyễn Dũng		Trưởng BKS	201165234	Sơn Trà, Đà Nẵng	0	0,00%	
06	Dương Thùy Vân	090C 47782	UV BKS	200882065	Hải Châu, Đà Nẵng	0	0,00%	
07	Trần Thanh Hải	090C 47799	Phó Tổng Giám đốc	200872984	Ngũ hành son, ĐN	10,329	0,242%	
08	Phạm Văn Hà		Phó Tổng Giám đốc	200916851	Hải Châu, Đà Nẵng	200	0,005%	
9	Nguyễn Thị Minh Huyền		Kế toán trưởng	201090361	Thanh Khê, Đà Nẵng	816	0,019%	
10	Tổng cty Hàng không VN - CTCP			100107518	Hà Nội	1.541.265	36,11%	

Giao dịch cổ phiếu của người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Nguyễn Thanh Đông	Tổng GD	10.000	0,234%	10,000	0,234%	
02	Lê Thị Thùy Linh	UV-HDQT	10.000	0,234%	10,000	0,234%	
03	Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	16.329	0,382%	10,329	0,242%	Bán
04	Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	200	0,005%	200	0,005%	

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2009, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán: chấp nhận toàn phần Báo cáo tài chính.
2. Báo cáo tài chính kiểm toán



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Masco (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/4/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0400102045) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30/06/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MAS. Ngày giao dịch chính thức là ngày 15/07/2014.

Vốn điều lệ : 42.676.830.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018: 42.676.830.000 đồng

Công ty có 9 đơn vị trực thuộc, bao gồm:

- Chi nhánh Phú Bài;
- Chi nhánh Nha Trang;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Đà Nẵng;
- Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Thừa Thiên Huế;
- Xí nghiệp Vận chuyển hành khách;
- Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay;
- Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không;
- Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ;
- Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 236 3830340
- Fax: (84) 236 3826133
- Email: masco@masco.com.vn
- Website: www.masco.com.vn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hoá bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, ciment);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2018 là 627 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 22 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Ông Trần Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/03/2017
• Bà Vũ Thị Thu Bồn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2016

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Dũng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Bà Dương Thùy Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22/04/2016

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22/04/2016
• Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2016
• Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2016
• Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/05/2018
• Ông Phan Hữu Tâm	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 01/07/2016 Miễn nhiệm ngày 15/05/2018

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 090/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11/02/2019, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 11/2017/BCKT/2018-RSMMT ngày 12/02/2018, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Dương Thị Vân Thanh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2016-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.649.050.872	45.057.859.518
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.047.257.845	17.247.807.536
1. Tiền	111	5	5.047.257.845	16.247.807.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.771.075.948	15.599.284.010
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.424.802.879	15.366.834.815
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.077.038.028	849.264.481
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	750.360.040	864.309.713
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.481.124.999)	(1.481.124.999)
IV. Hàng tồn kho	140	10	7.627.469.428	8.795.767.006
1. Hàng tồn kho	141		7.627.469.428	8.795.767.006
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.203.247.651	3.415.000.966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	3.203.247.651	2.604.505.371
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	602.530.232
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	207.965.363
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.666.017.865	109.182.034.003
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		94.296.327.515	91.987.215.265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	93.694.167.078	91.424.988.165
- Nguyên giá	222		200.942.226.207	186.530.034.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.248.059.129)	(95.105.045.965)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	602.160.437	562.227.100
- Nguyên giá	228		887.433.100	825.433.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(285.272.663)	(263.206.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.771.012.910	16.489.767.328
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.771.012.910	16.489.767.328
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.598.677.440	705.051.410
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	2.598.677.440	705.051.410
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.315.068.737	154.239.893.521

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		71.475.617.121	89.380.552.983
I. Nợ ngắn hạn	310		49.617.082.307	68.656.642.577
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	11.440.439.498	19.062.249.299
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.839.837.882	4.219.283.620
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.070.775.340	333.378.806
4. Phải trả người lao động	314		4.330.489.484	8.020.082.728
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	195.830.328	174.925.294
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	2.924.600.107	1.855.793.292
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	4.010.376.450	11.121.071.771
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	16.981.015.590	19.360.406.004
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.823.717.628	4.509.451.763
II. Nợ dài hạn	330		21.858.534.814	20.723.910.406
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	3.640.000.000	3.640.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	18.218.534.814	17.083.910.406
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.839.451.616	64.859.340.538
I. Vốn chủ sở hữu	410		56.839.451.616	64.859.340.538
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	42.676.830.000	42.676.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.676.830.000	42.676.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	803.208.113	803.208.113
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	13.359.413.503	21.379.302.425
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.965.175	91.261.088
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.328.448.328	21.288.041.337
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.315.068.737	154.239.893.521

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.231.725.554	49.466.235.941
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12;13	17.899.622.835	17.176.671.384
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		89.399.612	104.819.148
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26;28	(1.837.086.586)	(2.600.519.133)
- Chi phí lãi vay	06	27	3.422.141.516	2.015.675.851
- Các khoản điều chỉnh khác	07		131.116.490	-
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		37.936.919.421	66.162.883.191
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.456.117.722	2.538.048.911
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.168.297.578	824.199.023
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.997.824.800)	(8.483.092.477)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.517.518.821)	(1.173.405.967)
- Tiền lãi vay đã trả	14	17;27	(3.401.236.482)	(1.908.910.283)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(2.702.396.289)	(12.097.075.579)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.420.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.360.460.135)	(2.496.916.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.581.898.194	43.368.150.744
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(16.475.027.819)	(46.513.876.472)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		3.216.102.231	2.470.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8;26	40.215.082	127.312.466
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.218.710.506)	(43.916.564.006)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	12.588.670.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	20	33.487.572.836	51.498.109.293
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	20	(34.886.757.692)	(31.933.339.308)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19;21	(22.163.214.000)	(38.197.691.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.562.398.856)	(6.044.251.755)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5	(12.199.211.168)	(6.592.665.017)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.247.807.536	23.823.012.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.338.523)	17.460.416
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	5.047.257.845	17.247.807.536



Nguyễn Thanh Đông

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng - Masco (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/4/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0400102045) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Chế biến suất ăn trên máy bay, kinh doanh thương mại và dịch vụ; đào tạo lái xe ô tô và mô tô.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng nguồn lao động trong nước; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hoá bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, ciment);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 9 đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Phú Bài;
- Chi nhánh Nha Trang;
- Trung tâm Đào nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Đà Nẵng;
- Trung tâm Đào nghề lái xe ô tô, mô tô Masco - Thừa Thiên Huế;
- Xí nghiệp Vận chuyển hành khách;
- Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay;
- Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không;
- Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ;
- Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	4 - 6

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hóa hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khách và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Vận chuyển suất ăn, tiếp viên, tổ lái taxi, cung ứng suất ăn, nước uống, phí phục vụ, cung cấp các sản phẩm khác phục vụ các chuyến bay: Áp dụng mức thuế suất 10%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất tương ứng theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 20%;
 - ✓ Đối với hoạt động đào tạo của Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2018		01/01/2018	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		1.206.679.502		1.233.820.965
+ VND		1.039.131.939		1.012.570.630
+ USD	7.245,30 #	167.547.563	9.774,70 #	221.250.335
- Tiền gửi ngân hàng		3.840.578.343		15.013.986.571
+ VND		3.783.717.436		14.574.675.626
+ USD	2.458,85 #	56.860.907	19.408,48 #	439.310.945
- Các khoản trong đương tiền		-		1.000.000.000
Cộng		5.047.257.845		17.247.807.536

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	1.481.124.999
Công ty CP Hàng không VietJet	3.477.667.208	8.634.143.694
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	338.753.974	1.304.966.299
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	522.112.711	245.345.861
Văn phòng Bán Vé hãng Hàng Không Air China Limited	1.137.010.000	-
Các đối tượng khác	5.468.133.987	3.701.253.962
Cộng	12.424.802.879	15.366.834.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó số dư với các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	338.753.974	1.304.966.299
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	522.112.711	245.345.861
Cộng	860.866.685	1.550.312.160

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Kiến Minh Việt	-	296.450.000
Công ty TNHH MTV và DV An Thanh Hưng	-	214.164.500
Cảng HKQT Đà Nẵng- CN TCT Cảng HK Việt Nam	208.772.760	-
Các đối tượng khác	1.868.265.268	338.649.981
Cộng	2.077.038.028	849.264.481

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	526.583.071	-	735.421.036	-
Lãi dự thu	-	-	3.206.667	-
Phải thu khác	223.776.969	-	125.682.010	-
Cộng	750.360.040	-	864.309.713	-

9. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn - Từ 3 năm trở lên	1.481.124.999	1.481.124.999
Cộng	1.481.124.999	1.481.124.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.724.152.868	-	2.940.151.962	-
Công cụ, dụng cụ	3.656.104	-	4.287.223	-
Thành phẩm	-	-	1.609.113.426	-
Hàng hóa	3.899.660.456	-	4.242.214.395	-
Cộng	7.627.469.428	-	8.795.767.006	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2018.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018.

11. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	458.032.174	471.333.952
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất, thuê xe	2.298.928.620	1.750.296.846
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	272.143.804	180.013.715
Chi phí sửa chữa đào tạo khác	174.143.053	202.860.858
Cộng	3.203.247.651	2.604.505.371

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	692.213.483	200.635.524
Chi phí đào tạo chứng chỉ nghề lĩnh vực suất ăn	389.301.252	-
Lệ phí đường bộ	-	47.912.572
Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh	135.000.000	290.073.267
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.382.162.705	166.430.047
Cộng	2.598.677.440	705.051.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	30.824.663.587	28.209.166.321	126.440.668.341	1.055.535.881	186.530.034.130
Mua sắm trong năm	-	513.455.364	1.226.937.942	90.840.000	1.831.233.306
Đ/tư XDCB h/thành	19.837.491.818	-	-	-	19.837.491.818
T/lý, nhượng bán	-	-	7.046.746.684	-	7.046.746.684
Giảm khác	209.786.363	-	-	-	209.786.363
Số cuối năm	50.452.369.042	28.722.621.685	120.620.859.599	1.146.375.881	200.942.226.207
Khấu hao					
Số đầu năm	15.205.772.849	7.026.030.615	71.847.888.364	1.025.354.137	95.105.045.965
Khấu hao trong năm	2.917.450.482	3.683.986.597	11.241.395.349	34.723.744	17.877.556.172
T/lý, nhượng bán	-	-	5.655.873.135	-	5.655.873.135
Giảm khác	78.669.873	-	-	-	78.669.873
Số cuối năm	18.044.553.458	10.710.017.212	77.433.410.578	1.060.077.881	107.248.059.129
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	15.618.890.738	21.183.135.706	54.592.779.977	30.181.744	91.424.988.165
Số cuối năm	32.407.815.584	18.012.604.473	43.187.449.021	86.298.000	93.694.167.078

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018 là 46.195.797.324 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 48.897.954.219 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	473.227.100	352.206.000	825.433.100
Tăng trong năm	-	62.000.000	62.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	473.227.100	414.206.000	887.433.100
Khấu hao			
Số đầu năm	-	263.206.000	263.206.000
Khấu hao trong năm	-	22.066.663	22.066.663
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	285.272.663	285.272.663
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	473.227.100	89.000.000	562.227.100
Số cuối năm	473.227.100	128.933.337	602.160.437

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng được sử dụng để xây dựng văn phòng Công ty và Nhà máy chế biến suất ăn hàng không tại Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 263.206.000 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Nhà chế biến suất ăn Cam Ranh	-	16.489.767.328
Đường nội bộ nhà chế biến suất ăn Cam Ranh	886.480.227	-
Chi phí sửa chữa nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng	293.987.228	-
Trang thiết bị chế biến suất ăn	590.545.455	-
Cộng	1.771.012.910	16.489.767.328

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Phân phối Thực phẩm Toàn Cầu	212.918.232	2.189.101.316
Lê Ngọc Thịnh	1.505.679.140	1.341.666.461
Nguyễn Ngọc Anh	1.256.677.150	1.257.204.800
Lê Tiến Minh	540.730.000	781.670.000
Công ty TNHH Đắc Vinh	374.733.500	277.115.000
Các đối tượng khác	7.549.701.476	13.215.491.722
Cộng	11.440.439.498	19.062.249.299

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	207.965.363	-	12.161.188.415	10.913.645.928	-	1.039.577.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	104.974.008	3.377.443.227	2.702.396.289	-	780.020.946
Thuế thu nhập cá nhân	-	228.404.798	841.315.037	818.542.565	-	251.177.270
Thuế nhập khẩu	-	-	233.583.397	233.583.397	-	-
Thuế nhà đất	-	-	81.166.765	81.166.765	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Cộng	207.965.363	333.378.806	16.704.696.841	14.759.334.944	-	2.070.775.340

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Lãi vay dự trả	195.830.328	174.925.294
Cộng	195.830.328	174.925.294

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm dạy nghề Đà Nẵng	2.550.368.041	1.204.405.248
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm dạy nghề Thừa Thiên Huế	176.232.066	29.788.044
Doanh thu quảng cáo	198.000.000	621.600.000
Cộng	2.924.600.107	1.855.793.292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	586.687.817	33.479.511
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	786.402.926
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	232.450.000	227.350.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	171.457.658	6.330.860.408
Phải trả khác	3.019.780.975	3.742.978.926
- Phải trả trách nhiệm lái xe taxi	1.501.196.169	1.980.196.169
- Phải trả trách nhiệm giáo viên lái xe TTDN	75.000.000	100.000.000
- Phải trả tiền bán vé máy bay	150.863.191	337.558.202
- Lợi nhuận phải trả cho các bên hợp tác đầu tư	1.195.633.999	1.157.512.010
- Phải trả khác	97.087.616	167.712.545
Cộng	4.010.376.450	11.121.071.771

b. Dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh tại:		
- Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Đà Nẵng	1.640.000.000	1.640.000.000
- Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Thừa Thiên Huế	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.640.000.000	3.640.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	10.757.659.172	21.322.572.836	25.080.090.535	7.000.141.473
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	4.757.659.172	12.322.572.836	17.080.090.535	141.473
- Vay cá nhân Lê Bích Hồng	6.000.000.000	9.000.000.000	8.000.000.000	7.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	8.602.746.832	9.999.060.573	8.620.933.288	9.980.874.117
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	3.276.113.500	1.721.882.241	3.294.299.956	1.703.695.785
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	4.526.633.332	7.477.178.332	4.526.633.332	7.477.178.332
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
Cộng	19.360.406.004	31.321.633.409	33.701.023.823	16.981.015.590

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	17.083.910.406	12.309.578.525	11.174.954.117	18.218.534.814
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	5.681.385.560	144.578.525	1.703.695.785	4.122.268.300
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	10.102.632.846	12.165.000.000	8.671.258.332	13.596.374.514
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	1.299.892.000	-	800.000.000	499.892.000
Cộng	17.083.910.406	12.309.578.525	11.174.954.117	18.218.534.814

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/8573287/HĐTD ngày 13/06/2016: Số tiền vay theo hợp đồng 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên, lãi suất vay được quy định trong các khế ước nhận nợ ký kết giữa Công ty và Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng khu chế biến suất ăn tại Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng tín dụng số 248/2013/VCB-KHDN ngày 16/09/2013: Số tiền vay theo hợp đồng 175.824 USD, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất đầu tiên là 6%/năm và điều chỉnh theo từng quý. Mục đích vay: Mua xe vận chuyển suất ăn. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 104/2017/VCB-KHDN ngày 10/10/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 306.358,5 USD, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất theo lãi suất vay cơ bản và margin. Lãi suất vay cơ bản điều chỉnh theo quý. Margin tại ngày ký hợp đồng là 4,2%. Mục đích vay: Mua sắm 3 xe chuyên chở suất ăn phục vụ hoạt động cung ứng suất ăn tại các Sân bay. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDN/NHCT480-MASCO ngày 20/09/2016: Số tiền vay theo hợp đồng 4.876.500.000 đồng. Thời hạn vay là 50 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày giải ngân. Mục đích vay: dùng để thanh toán nguồn tài chính đã sử dụng để mua sắm 25 xe Hyundai Grand i10 sedan 1,2MT – Base 05 chỗ phục vụ hoạt động kinh doanh taxi. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2016-HĐTDA/NHCT480-MASCO ngày 22/08/2016: Số tiền vay theo hợp đồng 1.294.500.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày giải ngân. Mục đích vay: dùng để thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện Dự án mua sắm thiết bị làm lạnh nhanh Olis- Italy. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 12/04/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 1.472.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày giải ngân. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án mua 05 xe ô tô hiệu Nissan Sunny. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2017-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 15/05/2017: Số tiền vay theo hợp đồng 1.909.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày giải ngân. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án mua 02 xe ô tô hiệu Ford Ranger. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 01/02/2018: Số tiền vay theo hợp đồng 990.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu 8,5% và điều chỉnh theo quý. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí hợp lý đầu tư lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị tại các kho lạnh và kho đông. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2018-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 09/02/2018: Số tiền vay theo hợp đồng 675.000.000 đồng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu 8,5% và điều chỉnh theo quý. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí hợp pháp của Dự án đầu tư máy rửa chén công nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 03/2018-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 16/07/2018: Số tiền vay theo hợp đồng 10.500.000.000 đồng. Thời hạn vay 45 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay năm đầu 8,5% và điều chỉnh theo quý. Mục đích vay: dùng để thanh toán chi phí hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

pháp của hoàn vốn đầu tư xây dựng nhà chế biến suất ăn Chi nhánh Cam Ranh.
ay.**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	30.088.160.000	803.208.113	31.883.383.888	62.774.752.001
Tăng trong năm	12.588.670.000	-	39.650.285.347	52.238.955.347
Giảm trong năm	-	-	50.154.366.810	50.154.366.810
Số dư tại 31/12/2017	<u>42.676.830.000</u>	<u>803.208.113</u>	<u>21.379.302.425</u>	<u>64.859.340.538</u>
Số dư tại 01/01/2018	42.676.830.000	803.208.113	21.379.302.425	64.859.340.538
Tăng trong năm	-	-	14.854.282.327	14.854.282.327
Giảm trong năm	-	-	22.874.171.249	22.874.171.249
Số dư tại 31/12/2018	<u>42.676.830.000</u>	<u>803.208.113</u>	<u>13.359.413.503</u>	<u>56.839.451.616</u>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	15.412.650.000	15.412.650.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.264.180.000	27.264.180.000
Cộng	<u>42.676.830.000</u>	<u>42.676.830.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu phổ thông	4.267.683	4.267.683
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	21.379.302.425	31.883.383.888
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	14.854.282.327	39.650.285.347
Phân phối lợi nhuận	22.874.171.249	50.154.366.810
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	21.348.337.250	31.792.122.800
+ Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	193.200.000	193.200.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.851.326.000	3.900.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	300.000.000	300.000.000
+ Chia cổ tức	16.003.811.250	27.398.922.800
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	1.525.833.999	18.362.244.010
+ Chia cổ tức	-	17.070.732.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận HD hợp tác đầu tư	137.000.000	134.000.000
+ Chia lợi nhuận cho các bên theo HD hợp tác đầu tư	1.195.633.999	1.157.512.010
+ Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	193.200.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.359.413.503	21.379.302.425

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ-DVĐN ngày 24/04/2018.

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 77,5%/vốn điều lệ. Theo đó, việc thanh toán cổ tức đã được thực hiện được chia làm 2 đợt:

- Đợt 1: Tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 40%/vốn điều lệ, ngày đăng ký cuối cùng là 05/09/2017, thực hiện chi trả từ ngày 20/09/2017.
- Đợt 2: Trả cổ tức còn lại với tỷ lệ 37,5%/vốn điều lệ, ngày đăng ký cuối cùng là 14/05/2018, thực hiện chi trả từ ngày 25/05/2018.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại (USD)	9.704,15	29.183,18

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng hóa	14.572.136.858	17.962.383.583
Doanh thu bán thành phẩm	1.470.114.050	307.006.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	224.754.066.433	279.121.078.586
Cộng	240.796.317.341	297.390.468.169

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Chiết khấu thương mại	4.590.695.435	3.506.128.304
Giảm giá hàng bán	-	34.545.455
Hàng bán bị trả lại	775.772.000	857.345.999
Cộng	5.366.467.435	4.398.019.758

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.779.849.678	9.704.424.144
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.493.471.991	314.886.638
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	182.462.865.878	206.708.087.131
Cộng	191.736.187.547	216.727.397.913

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.008.415	130.519.133
Lãi chênh lệch tỷ giá	84.927.043	247.332.499
Cộng	121.935.458	377.851.632

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	3.422.141.516	2.015.675.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá	82.867.172	135.587.435
Cộng	3.505.008.688	2.151.263.286

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dùng cho bán hàng	203.087.090	163.777.089
Chi phí nhân công	3.131.003.527	3.511.725.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.952.920	35.763.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.335.390.582	3.515.043.830
Các khoản khác	520.818.514	466.411.617
Cộng	7.236.252.633	7.692.720.661

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí công cụ	424.518.994	472.686.634
Chi phí nhân viên quản lý	10.862.169.548	10.780.440.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.161.193.060	7.224.741.266
Các khoản khác	1.121.655.284	1.859.986.727
Cộng	16.569.536.886	20.337.855.451

29. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập từ thanh lý tài sản	1.800.078.171	2.470.000.000
Nhập kho hàng tồn dụng	149.078.655	196.466.258
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	333.971.908	703.900.000
Các khoản khác	102.349.290	124.779.535
Cộng	2.385.478.024	3.495.145.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***30. Chi phí khác**

	Năm 2018	Năm 2017
Chi thường tận dụng	40.618.791	66.305.000
Chi phí xuất hủy hàng	22.005.312	19.327.323
Các khoản khác	595.927.977	404.340.261
Cộng	658.552.080	489.972.584

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.231.725.554	49.466.235.941
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	290.468.522	404.338.733
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lý, hợp lệ)	358.037.760	404.338.733
- Điều chỉnh giảm (Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền và nợ phải thu)	67.569.238	-
Tổng thu nhập chịu thuế	18.522.194.076	49.870.574.674
- Thu nhập từ hoạt động được hưởng ưu đãi	3.269.955.899	2.928.496.110
- Thu nhập từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	15.252.238.177	46.942.078.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.377.443.227	9.815.950.594
- Thuế TNDN hoạt động được hưởng ưu đãi (10%)	326.995.590	292.849.611
- Thuế TNDN từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	3.050.447.637	9.388.415.714
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	134.685.269
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.377.443.227	9.815.950.594
<i>Trong đó</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.377.443.227	9.681.265.325
+ Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi	326.995.590	292.849.611
+ Thuế TNDN của hoạt động không được hưởng ưu đãi	3.050.447.637	9.388.415.714
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	134.685.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.854.282.327	39.650.285.347
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.525.833.999)	(6.636.038.010)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	1.525.833.999	6.636.038.010
+ Trích các quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS	330.200.000	5.478.526.000
+ Lợi nhuận chia hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.195.633.999	1.157.512.010
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.328.448.328	33.014.247.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.267.683	3.791.728
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.123	8.707

- Chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản khác do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chỉ tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.
- Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm 2017 được tính lại căn cứ vào số liệu phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018. Theo đó, Đại hội thông qua số liệu trích lập chính thức của Quỹ khen thưởng phúc lợi, khen thưởng ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là 5.478.526.000 đồng.

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.292.990.062	102.750.519.411
Chi phí nhân công	64.888.758.526	72.745.890.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.899.622.835	17.176.671.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.887.559.685	25.262.722.870
Chi phí khác bằng tiền	14.306.568.157	18.264.840.273
Cộng	206.275.499.265	236.200.644.202

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là cung cấp các dịch vụ liên quan đến hàng không (suất ăn, vận chuyển tổ lái...) và ba bộ phận địa lý chính là Tỉnh Thừa Thiên Huế, Tỉnh Khánh Hòa và Thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý mà Công ty hoạt động:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chỉ tiêu	Thành phố Đà Nẵng		Tỉnh Khánh Hòa		Tỉnh Thừa Thiên Huế		Cộng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	151.960.843.406	142.753.398.260	71.759.149.425	137.895.108.740	17.076.324.510	16.741.961.169	240.796.317.341	297.390.468.169
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.557.502.671	2.322.994.832	2.598.702.530	1.781.047.861	210.262.234	293.977.065	5.366.467.435	4.398.019.758
D.thu thuần về bán hàng & CCDV	149.403.340.735	140.430.403.428	69.160.446.895	136.114.060.879	16.866.062.276	16.447.984.104	235.429.849.906	292.992.448.411
Giá vốn hàng bán	118.458.521.975	111.047.015.620	60.452.313.697	93.290.655.103	12.825.351.875	12.389.727.190	191.736.187.547	216.727.397.913
LN gộp về bán hàng & cc dịch vụ	30.944.818.760	29.383.387.808	8.708.133.198	42.823.405.776	4.040.710.401	4.058.256.914	43.693.662.359	76.265.050.498
Chi phí khấu hao	11.027.178.180	10.142.300.626	5.696.450.652	5.618.063.851	1.175.994.003	1.416.306.907	17.899.622.835	17.176.671.384

Chỉ tiêu	Thành phố Đà Nẵng		Tỉnh Khánh Hòa		Tỉnh Thừa Thiên Huế		Cộng	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản cố định	40.138.567.906	53.083.654.119	46.515.607.236	30.891.054.953	7.642.152.373	8.012.506.193	94.296.327.515	91.987.215.265
- Nguyên Giá	106.617.709.651	113.958.671.428	71.939.241.655	50.715.887.801	23.272.708.001	22.680.908.001	201.829.659.307	187.355.467.230
- Khấu hao lũy kế	(66.479.141.745)	(60.875.017.309)	(25.423.634.419)	(19.824.832.848)	(15.630.555.628)	(14.668.401.808)	(107.533.331.792)	(95.368.251.965)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***35. Công cụ tài chính****a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty có các giao dịch vay nợ bằng ngoại tệ và cung ứng suất ăn với các Hãng hàng không quốc tế nên sẽ chịu rủi ro về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Công cụ tài chính bằng ngoại tệ	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính		
Tiền (USD)	9.704,15	29.183,18
Phải thu khách hàng (USD)	103.595,76	31.006,00
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ (USD)	250.633,00	393.996,00
Phải trả khác (USD)	10.000,00	10.000,00

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách đặt hàng theo quý, đối với các mặt hàng tiêu thụ với số lượng và giá trị lớn (cung ứng các loại nước uống trên máy bay), Công ty ký hợp đồng với nhà cung ứng cam kết giá bán cho Công ty được cố định 1 năm, hoặc ký hợp đồng mua hàng với điều khoản thanh toán sau khi hàng đã được tiêu thụ và áp dụng chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp, mua hàng thường xuyên với số lượng lớn tại một nhà cung cấp để được hưởng chính sách ưu đãi ... chủ động theo dõi thị trường để nắm bắt tình hình biến động, từ đó đưa ra các quyết sách để giảm ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là các Hãng Hàng không. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách ký quỹ để thực hiện hợp đồng và yêu cầu thanh toán các khoản nợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh nợ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.440.439.498	-	11.440.439.498
Chi phí phải trả	195.830.328	-	195.830.328
Vay và nợ thuê tài chính	16.981.015.590	18.218.534.814	35.199.550.404
Phải trả khác	3.423.688.633	3.640.000.000	7.063.688.633
Cộng	32.040.974.049	21.858.534.814	53.899.508.863
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.062.249.299	-	19.062.249.299
Chi phí phải trả	174.925.294	-	174.925.294
Vay và nợ thuê tài chính	19.360.406.004	17.083.910.406	36.444.316.410
Phải trả khác	10.301.189.334	3.640.000.000	13.941.189.334
Cộng	48.898.769.931	20.723.910.406	69.622.680.337

Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện tại rủi ro thanh khoản của Công ty đang ở mức cao nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

	Đơn vị tính: VND		
<u>31/12/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.047.257.845	-	5.047.257.845
Phải thu khách hàng	10.943.677.880	-	10.943.677.880
Phải thu khác	223.776.969	-	223.776.969
Cộng	16.214.712.694	-	16.214.712.694
<u>01/01/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.247.807.536	-	17.247.807.536
Phải thu khách hàng	13.885.709.816	-	13.885.709.816
Phải thu khác	128.888.677	-	128.888.677
Cộng	31.262.406.029	-	31.262.406.029

36. Thông tin các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty đầu tư
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Nhựa Cao cấp Hàng không	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính

	<u>Giao dịch</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Bán hàng	119.668.149.807	97.566.164.617
	Chi trả cổ tức	11.944.803.750	9.890.174.000
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	Bán hàng	3.636.404.600	2.608.568.927
Công ty CP Nhựa Cao cấp Hàng không	Mua hàng	99.000.000	1.183.017.000

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	193.200.000	193.200.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.655.405.000	3.254.778.544
Cộng	2.848.605.000	3.447.978.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Đông

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền

Người lập biểu

Phạm Thị Thương

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 02 năm 2019